

Số: 12/2022/CBTT- VFS
V/v: Biên bản họp và Nghị quyết Đại hội
đồng cổ đông thường niên năm 2022

TP. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 04 năm 2022

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN
CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGĐCK**

**Kính gửi: Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước
Sở giao dịch Chứng Khoán TP. HCM
Sở giao dịch Chứng khoán Hà nội**

Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhất Việt – Mã số thành viên 094.
Địa chỉ: Số 117-119-121 Nguyễn Du, P. Bến Thành Quận 1. TP HCM.
Điện thoại: (084) 6 255 6586 - Fax: (084) 6 255 6580

Người thực hiện công bố thông tin: Bà Nguyễn Thị Thu Bình – Phó Tổng Giám đốc
Địa chỉ: Số 117-119-121 Nguyễn Du, P. Bến Thành Quận 1. TP HCM
Điện thoại: (084) 6 255 6586 - fax: (084) 6 255 6580

Loại thông tin công bố: Định kỳ Bất thường Theo yêu cầu

Nội dung thông tin công bố (*):

Biên bản họp và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022

Thông tin này được công bố đồng thời trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 09/04/2022 tại đường dẫn: <http://www.vfs.com.vn/tabid/112/cong-bo-thong-tin.aspx>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tài liệu đính kèm:

- Biên bản họp ĐHĐCĐ thường niên 2022
- Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2022

Người được ủy quyền công bố thông tin
(Ký tên, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)



Số: 01 /2022/NQ-DHDCD

Hà Nội, ngày 09 tháng 04 năm 2022

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NHẤT VIỆT

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ban hành ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhất Việt
- Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 của Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhất Việt ngày 09 tháng 04 năm 2022.

QUYẾT NGHỊ

Điều 1. Thông qua Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2021 và kế hoạch năm 2022.

Điều 2. Thông qua Báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh của Ban Giám đốc năm 2021 và kế hoạch năm 2022.

Điều 3. Thông qua Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2021 và kế hoạch năm 2022.

Điều 4. Thông qua Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2021. (Theo Tờ trình số 04/2022/TTr-HDQT-VFS)

Điều 5. Thông qua tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán năm 2022 (theo tờ trình số 05/2022/TTr-BKS-VFS)

Điều 6. Thông qua Báo cáo tình hình sử dụng vốn từ đợt phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ năm 2021 (theo tờ trình số 06/2022/TTr-HDQT-VFS)

Điều 7. Thông qua tờ trình chi trả thù lao Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát năm 2021 và kế hoạch chi trả năm 2022; Phương án phân phối lợi nhuận năm 2021 và dự kiến năm 2022 (theo tờ trình số 07/2022/TTr-HDQT-VFS)



Điều 8. Thông qua việc bổ sung nghiệp vụ Kinh doanh chứng khoán phái sinh (theo tờ trình số 08/2022/TTr-HDQT-VFS)

Điều 9. Thông qua sửa đổi điều lệ Công ty (theo tờ trình số 09/2022/TTr-HDQT-VFS)

Điều 10. Thông qua việc niêm yết cổ phiếu của Công ty (theo tờ trình số 10/2022/TTr-HDQT-VFS)

Điều 11. Thông qua phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ trong năm 2022 (theo tờ trình số 11/2022/TTr-HDQT-VFS)

Điều 12. Điều khoản thi hành.

Nghị quyết này đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 của Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhất Việt thông qua và có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Các ông (bà) thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này và tổ chức triển khai thực hiện theo chức năng hoạt động phù hợp với quy định của pháp luật và điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty.

Nơi nhận:

- DHDCD;
- HDQT, BKS, BGD;
- Lưu VT;
- CBTT theo quy định.

**T/M. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA**



NGUYỄN THẾ ANH



BIÊN BẢN

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022 CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOẢN NHẤT VIỆT

I. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY:

1. Tên công ty: **Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhất Việt.**
2. Địa chỉ trụ sở chính: Lầu 1, số 117 - 119 - 121 Nguyễn Du, Phường Bến Thành, Quận I, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam.
3. Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán số 100/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 13/10/2008, Giấy phép điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động số 101/GPDC-UBCK do UBCKNN cấp ngày 05/11/20201.

II. THỜI GIAN, ĐỊA ĐIỂM TỔ CHỨC ĐẠI HỘI:

1. Thời gian: 8h30 – 11h00, Thứ 7, ngày 09 tháng 04 năm 2022.
2. Địa điểm: Hội trường tầng 9, tòa nhà Leadvisors Place, 41A Lý Thái Tổ, Phường Lý Thái Tổ, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

III. THÀNH PHẦN THAM DỰ:

- Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành của Công ty và các cổ đông sở hữu cổ phiếu VFS (hoặc người được ủy quyền tham dự hợp lệ) được xác định tại thời điểm chốt danh sách cổ đông vào ngày 04/03/2022 do Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam lập.
- Số cổ đông tham dự trực tiếp và thông qua ủy quyền tại thời điểm 9h00 ngày 09/04/2022 là **40 cổ đông**, đại diện cho số lượng cổ phần sở hữu và được ủy quyền là **75.367.209 cổ phần**, chiếm **93,92%** tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của công ty là 80.250.000 cổ phần.

IV. KHAI MẠC ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022:

1. Để đại hội tiến hành đúng quy định, **Ông Phùng Anh Hào** - Trưởng Ban kiểm tra tư cách cổ đông trình bày Báo cáo kiểm tra tư cách cổ đông tham dự đại hội tại thời điểm 09h00:
 - Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty là: **80.250.000 cổ phần.**



- Cổ đông mời tham dự gồm: Toàn bộ cổ đông của Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhất Việt có tên trong danh sách cổ đông chốt ngày **04/03/2022**.
- Tổng số cổ đông tham dự trực tiếp và thông qua ủy quyền có mặt tham dự đại hội là **40 cổ đông**, đại diện cho số lượng cổ phần sở hữu và được ủy quyền là **75.367.209 cổ phần**, chiếm **93,92%** tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhất Việt.

Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhất Việt, Đại hội cổ đông cổ đông thường niên năm 2022 đủ điều kiện tiến hành.

2. **Bà Bùi Thị Hoa** trình bày Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCD) thường niên năm 2022 của Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhất Việt.

Quy chế tổ chức ĐHĐCD thường niên năm 2022 được ĐHĐCD thống nhất thông qua với tỷ lệ 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự đại hội.

3. ĐHĐCD đã bầu Đoàn Chủ tịch và Ban Kiểm phiếu đại hội:

a. Đoàn Chủ tịch đại hội

- **Ông Nguyễn Thế Anh** – Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhất Việt - Chủ tọa Đại hội.
- **Ông Trần Anh Thắng** – Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty;
- **Bà Nguyễn Thị Thu Bình** – Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc Công ty.

b. Ban Kiểm phiếu đại hội

- **Ông Phùng Anh Hào** – Trưởng Ban
- **Bà Phạm Thị Bích Dung** – Thành viên
- **Bà Lê Thị Phượng** – Thành viên.

Đoàn Chủ tịch và Ban Kiểm phiếu được ĐHĐCD thống nhất thông qua với tỷ lệ **100%** tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự đại hội.

4. Chủ tọa chỉ định thư ký đại hội :

- **Bà Bùi Thị Hoa** – Thư ký đại hội

5. Thông qua chương trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022, cụ thể như sau:

Nội dung 1. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2021 và kế hoạch năm 2022.

Nội dung 2. Báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh của Ban Giám đốc năm 2021 và kế hoạch năm 2022.

- Nội dung 3. Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2021 và kế hoạch năm 2022.
- Nội dung 4. Tờ trình thông qua Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2021.
- Nội dung 5. Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán năm 2022.
- Nội dung 6. Tờ trình Báo cáo tình hình sử dụng vốn từ đợt phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ năm 2021.
- Nội dung 7. Tờ trình chi trả thù lao Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát năm 2021 và kế hoạch chi trả năm 2022; Phương án phân phối lợi nhuận năm 2021 và dự kiến năm 2022.
- Nội dung 8. Tờ trình về việc bổ sung nghiệp vụ Kinh doanh chứng khoán phái sinh.
- Nội dung 9. Tờ trình thông qua việc sửa đổi điều lệ Công ty.
- Nội dung 10. Tờ trình về việc niêm yết cổ phiếu của Công ty.
- Nội dung 11. Tờ trình thông qua phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ trong năm 2022.

Chương trình được ĐHDCD thống nhất thông qua với tỷ lệ **100%** tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự đại hội.

V. CÁC NỘI DUNG BÁO CÁO, TỜ TRÌNH ĐƯỢC TRÌNH BÀY

1. Đại hội đã nghe Ông Trần Anh Thắng trình bày:
 - Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2021 và kế hoạch năm 2022.
2. Đại hội đã nghe Bà Nguyễn Thị Thu Bình trình bày:
 - Báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh của Ban Giám đốc năm 2021 và kế hoạch năm 2022.
3. Đại hội đã nghe Ông Trần Văn Dương – Trưởng Ban kiểm soát trình bày:
 - Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2021 và kế hoạch năm 2022.
 - Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán năm 2022.
4. Đại hội đã nghe Ông Nguyễn Thế Anh trình bày:
 - Tờ trình thông qua Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2021.
 - Tờ trình thông qua việc sửa đổi điều lệ Công ty.
 - Tờ trình thông qua phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ trong năm 2022.
5. Tiếp tục chương trình, Đại hội đã nghe Bà Nguyễn Thị Thu Hằng – Giám đốc chi nhánh trình bày:
 - Tờ trình Báo cáo tình hình sử dụng vốn từ đợt phát hành tăng vốn điều lệ năm 2021.

- Tờ trình về chi trả thù lao Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát năm 2021 và kế hoạch chi trả năm 2022; Phương án phân phối lợi nhuận năm 2021 và dự kiến năm 2022.
- Tờ trình việc bổ sung nghiệp vụ Kinh doanh chứng khoán phái sinh.
- Tờ trình về việc niêm yết cổ phiếu của Công ty.

VI. THẢO LUẬN VÀ Ý KIẾN CỔ ĐÔNG

Đoàn chủ tọa và Đại hội đã lắng nghe ý kiến các cổ đông và tiến hành thảo luận về nội dung các báo cáo, tờ trình đã được trình bày tại đại hội. Đại hội đã thống nhất các nội dung trình bày, giải thích tại đại hội và không có ý kiến gì khác.

VII. BIỂU QUYẾT:

Tại thời điểm kiểm phiếu biểu quyết vào 10h30:

Tổng số Phiếu phát ra: 40 phiếu, đại diện cho 75.367.209 cổ phần có quyền biểu quyết.

Tổng số Phiếu thu về: 40 phiếu, đại diện cho 75.367.209 cổ phần có quyền biểu quyết.

Trong đó: Số phiếu hợp lệ: 40 phiếu, đại diện cho 75.367.209 cổ phần có quyền biểu quyết

Số phiếu không hợp lệ: 0 Phiếu đại diện cho 0 cổ phần có quyền biểu quyết

Kết quả biểu quyết từng nội dung như sau:

1. Thông qua Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2021 và kế hoạch năm 2022.
100% Đồng ý 0% Không đồng ý 0% Không có ý kiến
2. Thông qua Báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh của Ban Giám đốc năm 2021 và kế hoạch năm 2022.
100% Đồng ý 0% Không đồng ý 0% Không có ý kiến
3. Thông qua Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2021 và kế hoạch năm 2022.
100% Đồng ý 0% Không đồng ý 0% Không có ý kiến
4. Thông qua Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2021 (theo tờ trình số 04/2022/TTr-HDQT-VFS)
100% Đồng ý 0% Không đồng ý 0% Không có ý kiến
5. Thông qua tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán năm 2022 (theo tờ trình số 05/2022/TTr-BKS-VFS)
100% Đồng ý 0% Không đồng ý 0% Không có ý kiến

6. Thông Báo cáo tình hình sử dụng vốn từ đợt phát hành tăng vốn điều lệ năm 2021 (theo tờ trình số 06/2022/TTr-HDQT-VFS)
100% Đồng ý 0% Không đồng ý 0% Không có ý kiến
7. Thông qua qua tờ trình chi trả thù lao Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát năm 2021 và kế hoạch chi trả năm 2022; Phương án phân phối lợi nhuận năm 2021 và dự kiến năm 2022 (theo tờ trình số 07/2022/TTr-HDQT-VFS)
100% Đồng ý 0% Không đồng ý 0% Không có ý kiến
8. Thông qua việc bổ sung nghiệp vụ Kinh doanh chứng khoán phái sinh (theo tờ trình số 08/2022/TTr-HDQT-VFS)
100% Đồng ý 0% Không đồng ý 0% Không có ý kiến
9. Thông qua ty việc sửa đổi điều lệ Công ty (theo tờ trình số 09/2022/TTr-HDQT-VFS)
100% Đồng ý 0% Không đồng ý 0% Không có ý kiến
10. Thông qua việc niêm yết cổ phiếu của Công (theo tờ trình số 10/2022/TTr-HDQT-VFS)
100% Đồng ý 0% Không đồng ý 0% Không có ý kiến
11. Thông qua phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ trong năm 2022 (theo tờ trình số 11/2022/TTr-HDQT-VFS)
100% Đồng ý 0% Không đồng ý 0% Không có ý kiến

VIII. THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT VÀ BIÊN BẢN ĐẠI HỘI:

Bà Bùi Thị Hoa – Thư ký đại hội trình bày Biên bản và Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2021.

Biên bản và Nghị quyết đã được ĐHĐCĐ thống nhất thông qua với tỷ lệ 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự đại hội.

Đại hội bế mạc hồi 11h00 cùng ngày.

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ;
- HDQT, BKS, BGD;
- Lưu: VT, VP.
- CBTT theo quy định

THƯ KÝ ĐẠI HỘI



BÙI THỊ HOA

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

CHỦ TỌA



NGUYỄN THẾ ANH

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NHẤT VIỆT

**TÀI LIỆU HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG
CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022**



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NHẤT VIỆT

(Giấy phép thành lập và hoạt động số 100/UBCK- GP do UBCKNN cấp ngày 13/10/2008. Giấy phép điều chỉnh số 101/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 05/11/2021)

Địa chỉ: Lầu 1, 117 - 119 - 121 Nguyễn Du, Phường Bến Thành, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (028) 6255 6586 - Fax: (028) 6255 6580

Website: www.vfs.com.vn

Hà Nội, tháng 04/2022



BÁO CÁO BAN GIÁM ĐỐC ĐHCD NĂM 2022

04-2022





BÁO CÁO BAN GIÁM ĐỐC

- 1** Thị trường năm 2021
- 2** Hoạt động VFS năm 2021
- 3** Kế hoạch kinh doanh VFS 2022

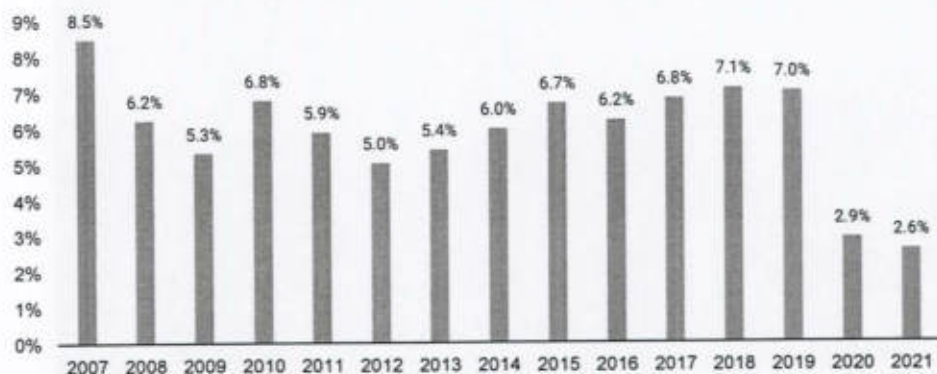


I. TTCK NĂM 2021



KINH TẾ TĂNG TRƯỞNG CHẬM DO ẢNH HƯỞNG CỦA DỊCH BỆNH

TĂNG TRƯỞNG GDP VIỆT NAM



TĂNG TRƯỞNG CHỈ SỐ GIÁ TIÊU DÙNG CPI



GDP thấp kỷ lục do dịch bệnh

- Tăng trưởng GDP 2021 ước tăng 2,58% thấp kỷ lục trong lịch sử thống kê do tác động tiêu cực của dịch Covid-19.
- Điểm nhấn là GDP quý 4 tăng 5.22% YoY sau khi các lệnh giãn cách dần được gỡ bỏ cho thấy nền kinh tế đang từng bước phục hồi.

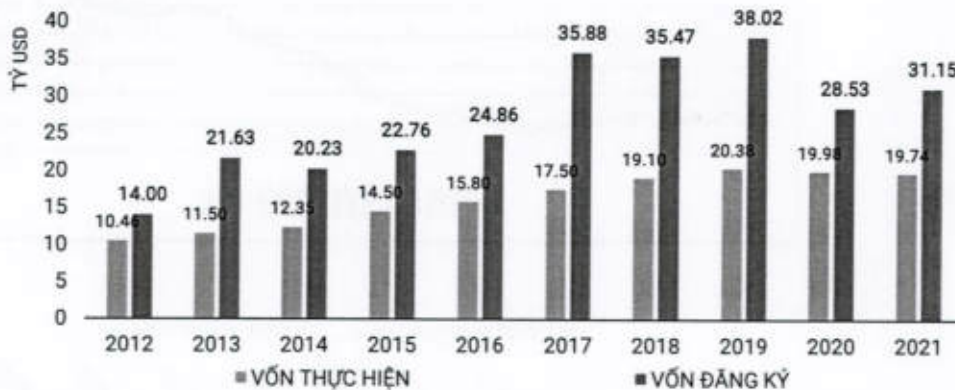
Lạm phát duy trì ở mức thấp

- Chỉ số CPI bình quân năm 2021 được Chính phủ Việt Nam kiểm soát tốt trong năm 2021, tăng 1,84% so với năm 2020.
- Lạm phát thấp tạo dư địa cho việc đẩy mạnh các chính sách nới lỏng tiền tệ.

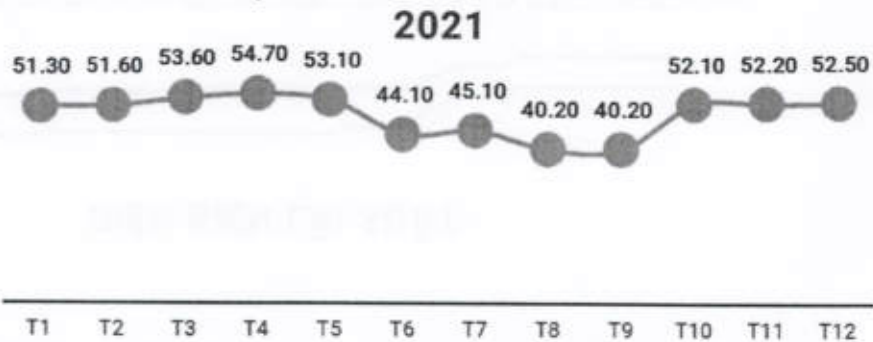


KINH TẾ TĂNG TRƯỞNG CHẬM DO ẢNH HƯỞNG CỦA DỊCH BỆNH

VỐN FDI VÀO VIỆT NAM



PMI VIỆT NAM THEO THÁNG NĂM



Vốn FDI thực hiện giảm nhẹ năm 2021

- Tổng vốn FDI đăng ký vào Việt Nam, đạt 31,15 tỷ USD vẫn tăng 9,2% so với năm 2020 bất chấp những ảnh hưởng tiêu cực của dịch Covid 19.
- Tuy nhiên, giá trị giải ngân thực tế lại chỉ đạt 19,74 tỷ USD, giảm 1,2% so với năm 2020 do bị ảnh hưởng bởi các biện pháp cách ly, dẫn cách xã hội chống dịch.

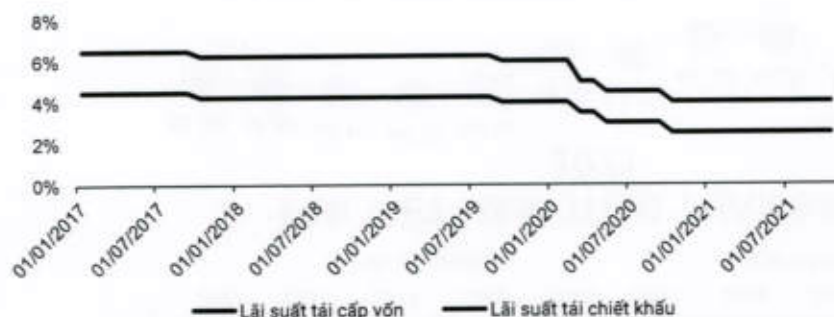
Chỉ số PMI biến động rất mạnh trong năm

- Sau nửa đầu năm 2021, duy trì ở trên mức 50 điểm, PMI sụt giảm xuống mức quanh 40 điểm trong quý 3 do dịch bệnh diễn biến phức tạp.
- Tuy nhiên, việc PMI phục hồi lại trên 50 điểm ngay trong quý 4 cho thấy tình hình sản xuất đã khôi phục trở lại nhờ chính sách bình thường mới của Chính phủ.



KINH TẾ TĂNG TRƯỞNG CHẬM DO ẢNH HƯỞNG CỦA DỊCH BỆNH

DIỄN BIẾN LÃI SUẤT



Lãi suất tiếp tục duy trì ở mức thấp

- Ngân hàng Nhà nước duy trì chính sách tiền tệ nới lỏng khi tiếp tục hạ lãi suất điều hành xuống mức thấp khoảng 4%/năm nhằm hỗ trợ doanh nghiệp và người dân vượt qua đại dịch Covid-19.

TỶ GIÁ USD/VND



Tỷ giá biến động mạnh theo diễn biến dịch bệnh

- Tỷ giá trung tâm biến động mạnh trong năm 2021 so với năm 2020 với biên độ 23.100 - 23.500 đồng.
- Những biến động mạnh của tỷ giá chịu tác động mạnh bởi các chính sách đối phó với đại dịch của Mỹ.

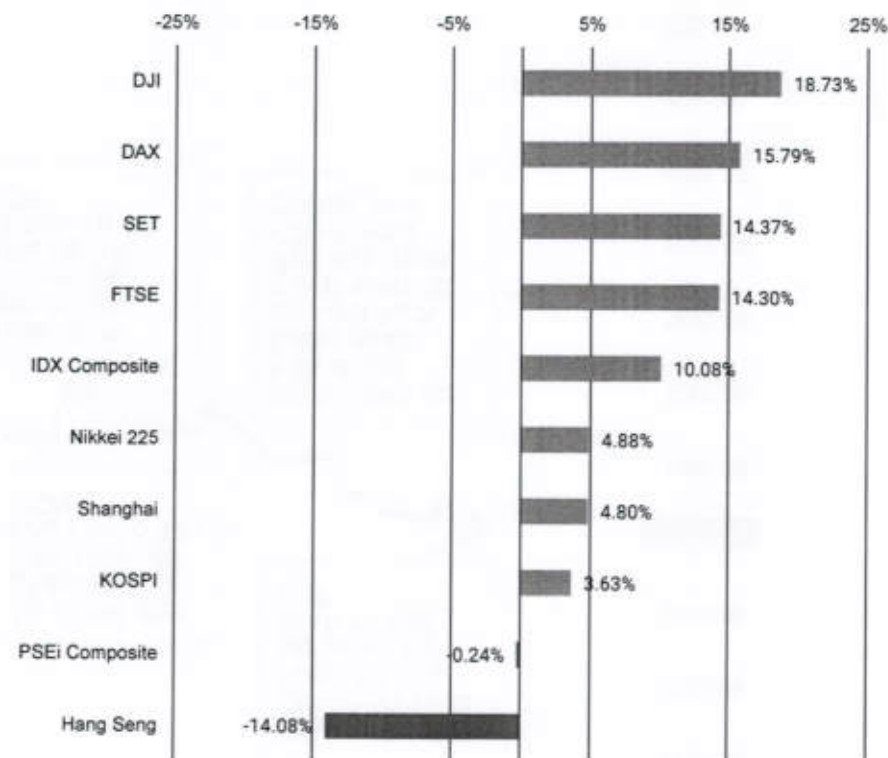


CHỨNG KHOÁN THẾ GIỚI DIỄN BIẾN TRÁI CHIỀU

Thị trường chứng khoán thế giới chứng kiến sự phân hóa trong năm 2021

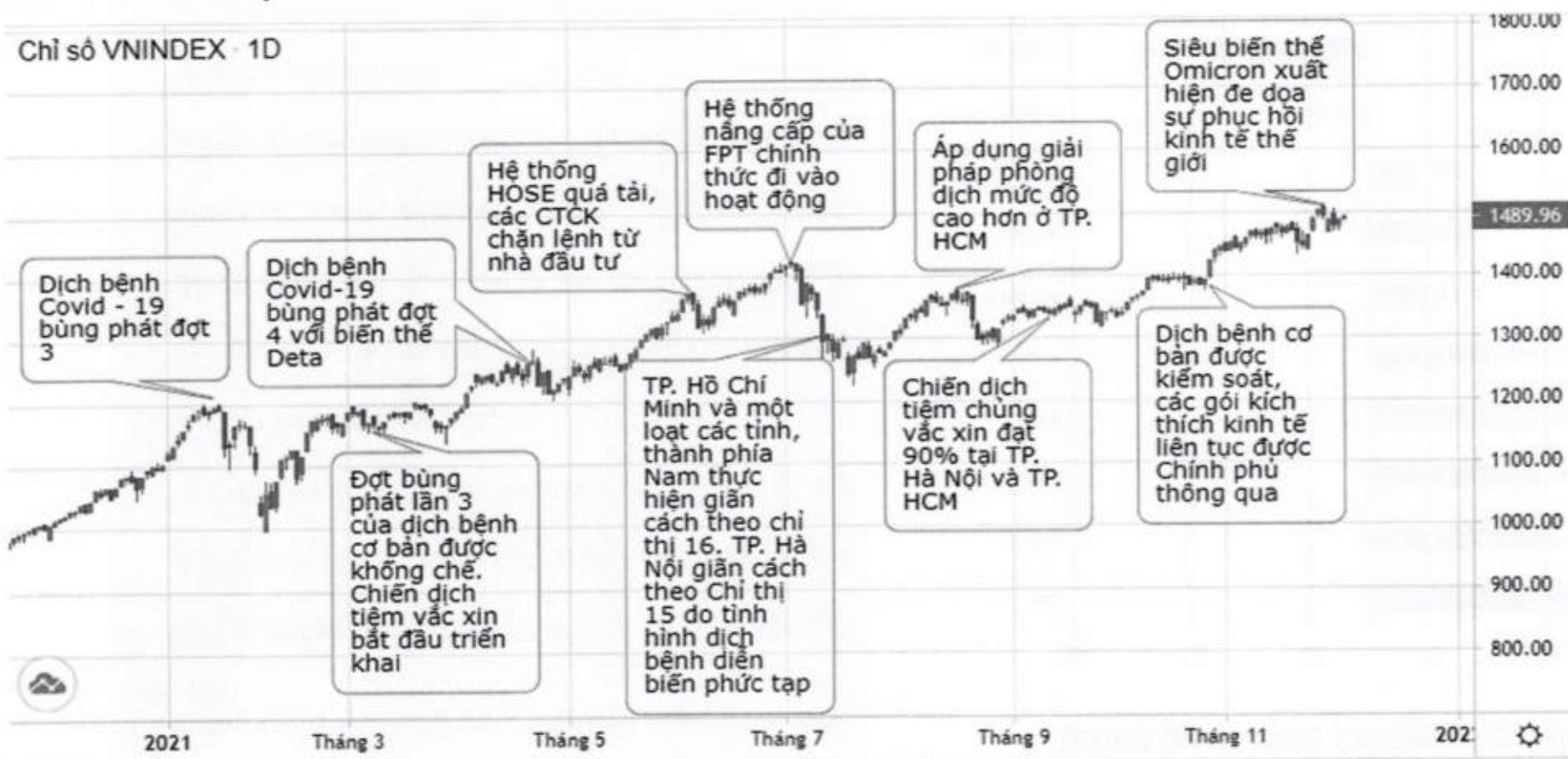
- Các thị trường chứng khoán lớn ở Châu Âu và Mỹ tiếp diễn đà hồi phục từ năm 2020 nhờ bao phủ vắc xin và sớm mở cửa nền kinh tế, tiêu biểu như Dow Jones, DAX, FTSE 100 lần lượt tăng trưởng 18,73%, 15,79%, 13,30%.
- Trong khi đó, các thị trường chứng khoán tại châu Á lại diễn biến kém khả quan hơn do vẫn còn chịu tác động từ dịch bệnh. Các thị trường Nhật Bản hay Trung Quốc chỉ đi ngang và chốt năm chỉ tăng 4%, thị trường Hồng Kông thậm chí giảm đến 14%.

TƯƠNG QUAN TĂNG TRƯỞNG CÁC CHỈ SỐ





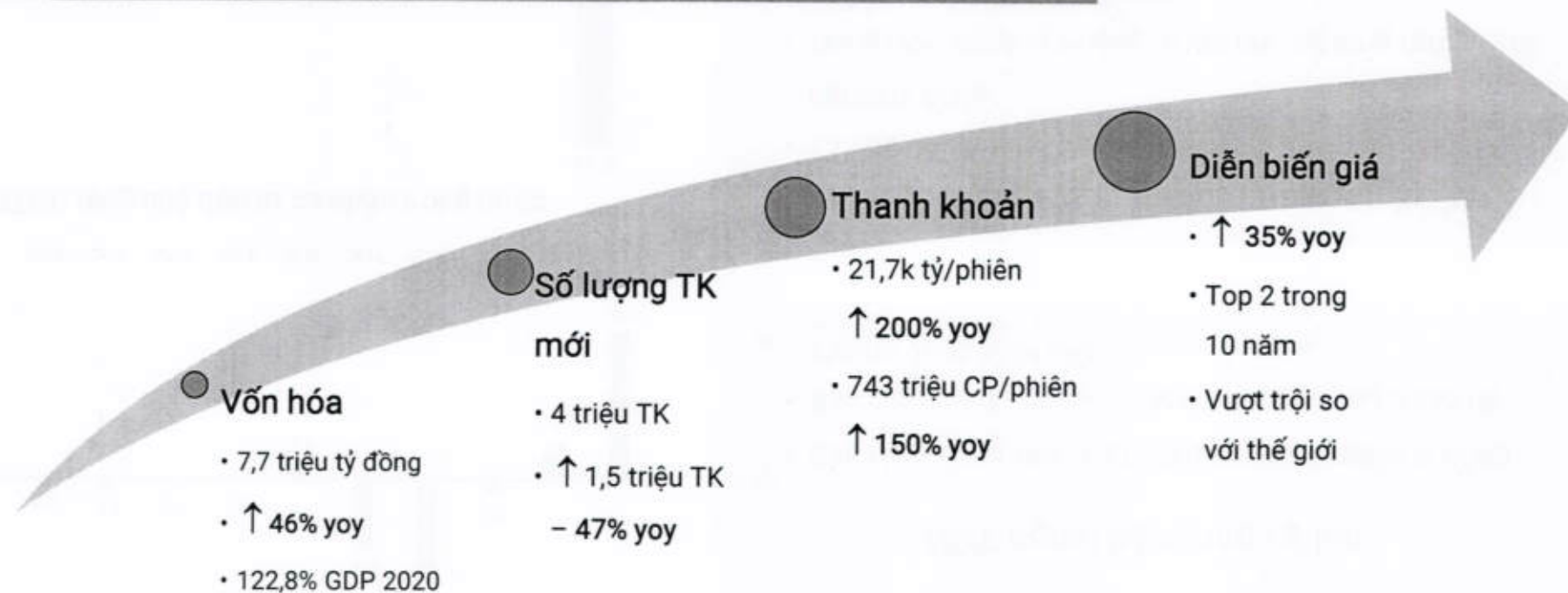
DẤU ẤN THỊ TRƯỜNG VIỆT NAM 2021



Nguồn: VFS tổng hợp

DẤU ẤN THỊ TRƯỜNG 2021

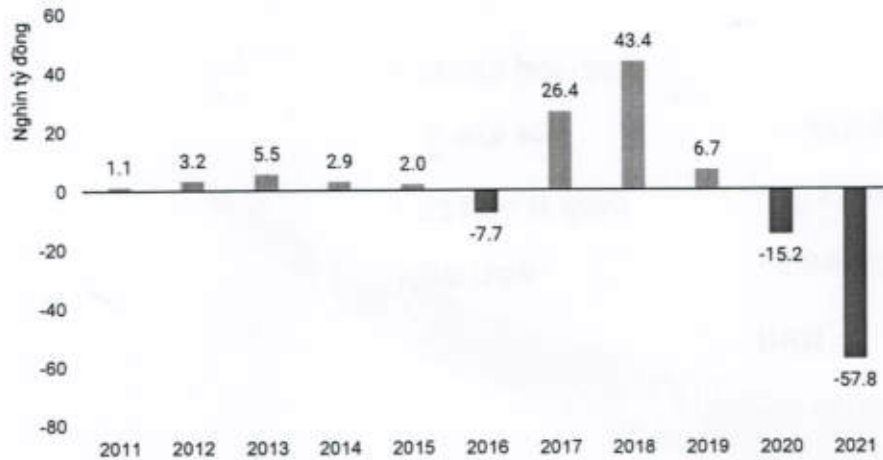
VN-INDEX và những con số kỷ lục



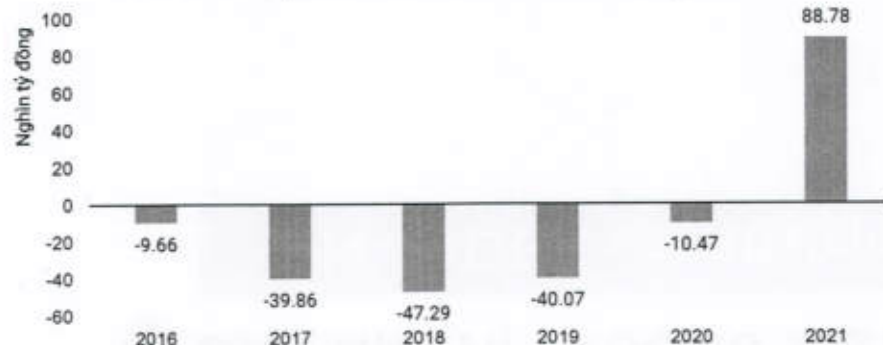


DẤU ẤN THỊ TRƯỜNG 2021

GTGD của khối ngoại qua các năm



GTGD ròng nhà đầu tư cá nhân trong nước



NĐT ngoại bán ròng kỷ lục

- Bán ròng kỉ lục vào 2021 với giá trị 57,8 nghìn tỷ đồng
- Bán ròng mạnh khi rủi ro dịch bệnh gia tăng ở các thị trường đang phát triển

NĐT cá nhân trong nước mua ròng kỷ lục

- Lần đầu mua ròng trong 6 năm gần nhất với giá trị 88,78 nghìn tỷ đồng.
- Dòng tiền nội tăng trưởng mạnh nhờ sự tăng trưởng của số lượng nhà đầu tư cá nhân
- Giúp trung hòa lực bán của khối ngoại

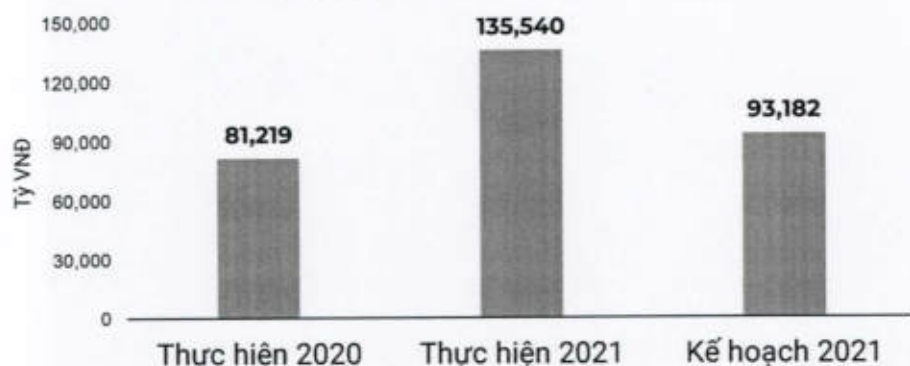


II. HOẠT ĐỘNG CỦA VFS NĂM 2021



DOANH THU NĂM 2021: TĂNG TRƯỞNG VƯỢT KẾ HOẠCH

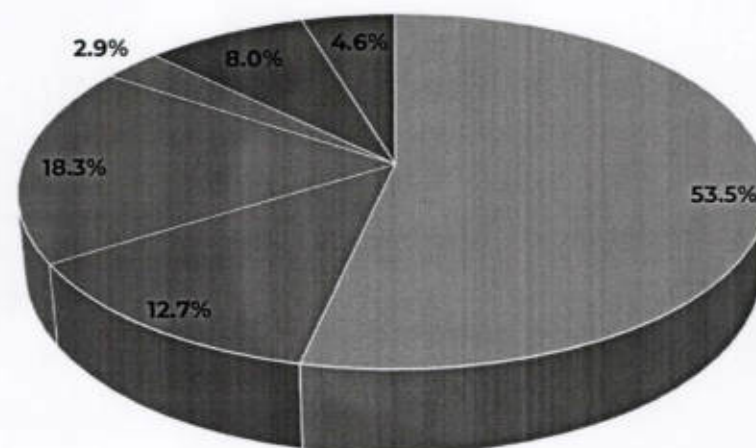
TỔNG DOANH THU



Doanh thu vượt kế hoạch nhờ diễn biến thuận lợi của thị trường chứng khoán

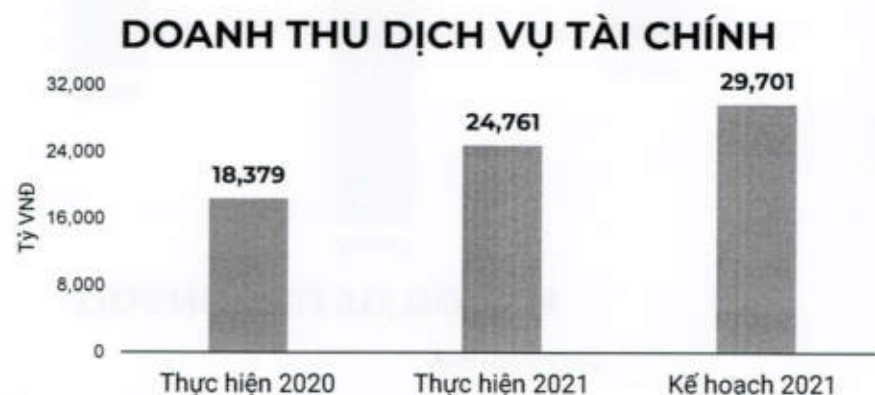
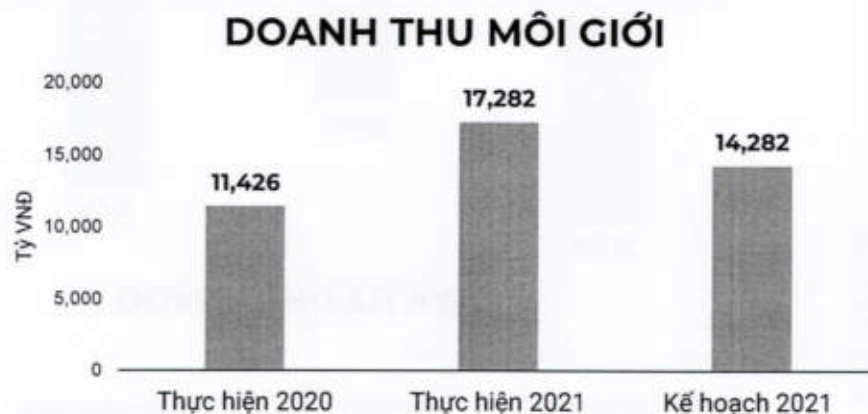
Năm 2021, Tổng doanh thu đạt 135.540 tỷ đồng, +66,9% so với 2020. Trong đó, Doanh thu Môi giới 17,282 tỷ đồng chiếm 12,7%; Doanh thu Dịch vụ đạt 24,761 tỷ đồng chiếm 18,27%; Doanh thu Tự doanh đạt 72,463 tỷ đồng chiếm 53,5%; Doanh thu Tư vấn đạt 3,922 tỷ đồng chiếm 2,9%. Nhóm doanh thu còn lại chiếm 12,63%.

CƠ CẤU DOANH THU



- Doanh thu tự doanh
- Doanh thu dịch vụ
- Lãi tiền gửi
- Doanh thu môi giới
- Doanh thu tư vấn
- Lưu ký, khác

CƠ CẤU DOANH THU



Doanh thu môi giới tăng trưởng tích cực

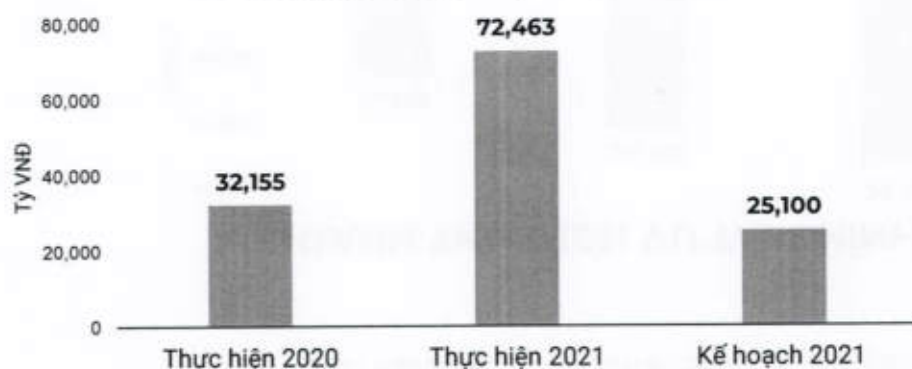
- Doanh thu môi giới năm 2021 là 17,282 tỷ đồng, vượt 21% so với kế hoạch đề ra, tăng 51,25% so với năm 2020.
- Nguyên nhân đến từ sự bùng nổ của thị trường chứng khoán năm 2021 với số lượng khách hàng mở mới tài khoản cao kỷ lục.

Doanh thu từ dịch vụ tài chính chưa đạt kế hoạch

- Doanh thu dịch vụ tài chính năm 2021 chỉ đạt được 83,37% so với kế hoạch tuy nhiên vẫn tăng 34,7% so với năm 2020
- Nguyên nhân đến từ sự thận trọng của công ty trong việc cho vay margin trong bối cảnh dư nợ margin nhiều công ty chứng khoán đạt đỉnh.

CƠ CẤU DOANH THU

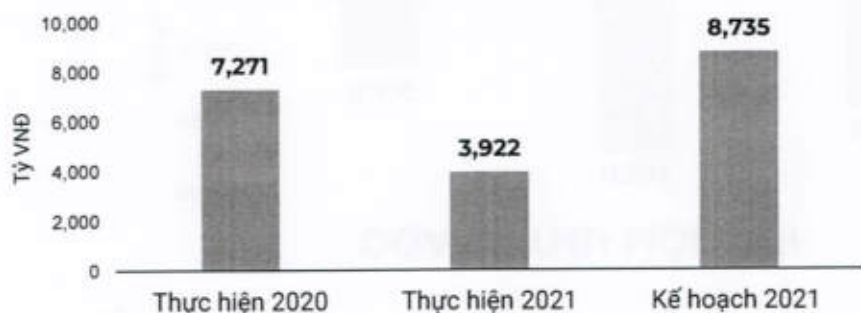
DOANH THU TỰ DOANH



Doanh thu tự doanh tăng trưởng tích cực

- Doanh thu mảng tự doanh đạt 72,463 tỷ đồng, gấp gần 3 lần kế hoạch đề ra, tăng 125% lần so với năm 2020.
- Nguyên nhân đến từ việc tăng giá mạnh của các tài sản tài chính mà công ty đang nắm giữ.

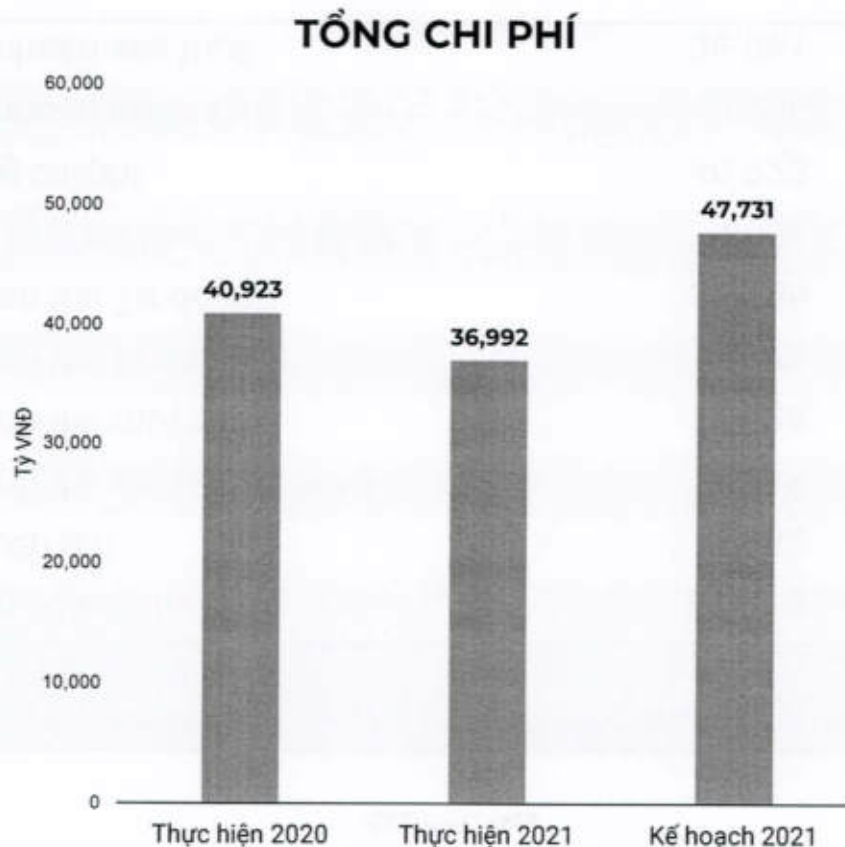
DOANH THU TƯ VẤN



Doanh thu tư vấn doanh nghiệp sụt giảm mạnh

- Doanh thu tư vấn doanh nghiệp đạt 3,922 tỷ đồng chỉ đạt 44,9% kế hoạch năm 2021, giảm 46 % so với năm 2020
- Dịch bệnh diễn biến phức tạp khiến việc hoạt động của các doanh nghiệp đình trệ và tác động tiêu cực đến mảng tư vấn doanh nghiệp

TỔNG CHI PHÍ NĂM 2021



Tổng chi phí năm 2021 thấp hơn mức kế hoạch

Tổng chi phí hoạt động của VFS năm 2021 đạt 36,992 tỷ đồng, giảm 9,6% so với năm 2020, và chỉ bằng 77,5% so với mức dự kiến.

Nguyên nhân:

Do chi phí lãi vay giảm mạnh 55% so với cùng kỳ, chi phí hoạt động và chi phí quản lý chỉ tăng nhẹ lần lượt 3,6% và 6,5% so với cùng kỳ

KẾT QUẢ KINH DOANH NĂM 2021

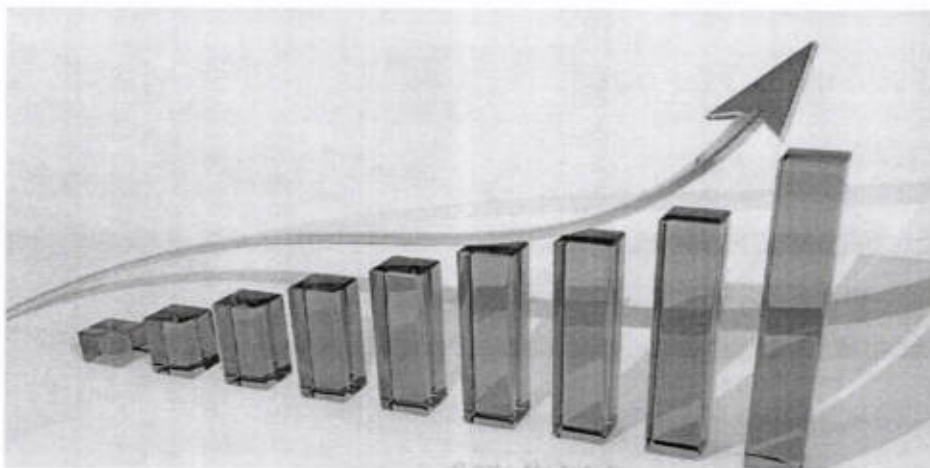
Năm (triệu đồng)	2020	Kế hoạch 2021	Thực hiện 2021	% so với Kế hoạch 2021
Tổng doanh thu	81.219	93.182	135.540	145%
Lãi tiền gửi	7.952	8.471	10.921	129%
Doanh thu dịch vụ tài chính	18.379	29.701	24.761	83%
Doanh thu môi giới	11.426	14.282	17.282	121%
Doanh thu tư vấn	7.271	8.725	3.922	44,9%
Doanh thu Tự doanh	32.155	25.100	72.463	289%
Lưu ký, Tư vấn đầu tư, khác	4.036	6.903	6.191	90%
Tổng chi phí	40.923	47.731	36.992	77%
Lợi nhuận trước thuế	40.296		98.548	171%
Lợi nhuận sau thuế	36.061	36.360	88.918	245%

CÁC HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2021



Trở thành thành viên giao dịch công cụ nợ

- Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhất Việt (VFS) đã được công nhận là thành viên giao dịch công cụ nợ của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo quyết định số 58/QĐ-SGDHN ngày 03/03/2021.



Tăng vốn điều lệ lên 802,5 tỷ đồng

- Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhất Việt (VFS) đã thông qua việc triển khai phương án tăng vốn điều lệ năm 2021 lên 802,5 tỷ đồng với Phương án phát hành ra công chúng và phát hành riêng lẻ.



III. KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2022

DỰ BÁO THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN 2022



Kinh tế hồi phục nhờ bao phủ vắc xin

- GDP dự kiến 2022: 6,5%
- Tỷ lệ tiêm vắc xin đạt trên 70% trong năm 2022



Đẩy mạnh đầu tư công

- Chú trọng đẩy mạnh đầu tư công với các gói kích thích lớn và giải quyết vướng mắc giải ngân vốn



Xu hướng dòng tiền

- Dòng tiền năm 2022 được duy trì nhờ mặt bằng lãi suất thấp nhưng khó tăng trưởng mạnh như 2021.
- Sự phân hóa mạnh giữa các nhóm ngành



Nâng cấp hệ thống vận hành

- Kỳ vọng hệ thống công nghệ thông tin mới của nhà thầu Hàn Quốc (KRX) vận hành đúng tiến độ trong năm 2022

Các yếu tố rủi ro

- Covid-19 với những biến chủng có khả năng ảnh hưởng đến việc phục hồi nền kinh tế
- Rủi ro bất ổn chính trị toàn cầu, tiêu biểu là cuộc xung đột Nga - Ukraine
- Rủi ro về lạm phát

Triển vọng

- VN-Index kỳ vọng tăng trưởng 10% 2022 hướng đến vùng 1600 điểm.
- Mặt bằng giá cổ phiếu cao gấp 3 - 4 lần so với 2020. Dòng tiền giá rẻ có thể cũng không còn dồi dào như trong năm 2021. Do đó, diễn biến thị trường sẽ phân hóa và rung lắc mạnh.
- Các nhóm ngành như Dầu khí, Cảng biển, Thủy sản, Bất động sản, ... sẽ là những nhóm ngành tiềm năng trong năm 2022 khi được hưởng lợi từ hoàn cảnh vĩ mô và cạnh tranh địa chính trị.



ĐÁNH GIÁ THỰC TẾ 03 THÁNG ĐẦU NĂM 2022

Kinh tế vĩ mô của Việt Nam đang dần phục hồi và phát triển

- **Tăng trưởng GDP Q1/2022** : tăng 5,03%, là mức tăng trưởng cao nhất của Q1 trong 03 năm qua, trong đó: Khối ngành Công nghiệp và Xây dựng, chế biến chế tạo có mức tăng trưởng 7,8%; Dịch vụ, vận tải mức tăng trưởng > 7%.
- **Vốn FDI** : thực hiện tại VN trong 3 tháng đầu năm 2022, ước tính đạt 4,42 tỉ Usd, tăng 7,8% so với cùng kỳ 2021 và là mức cao nhất của Q1 trong 05 năm qua, các Nhà máy có vốn FDI đã quay trở lại hoạt động hết công suất.
- **Chỉ số CPI** : tăng 1,92% so với cùng kỳ năm 2021, là mức tăng thấp nhất của Q1 trong 05 năm qua, CPI tăng chủ yếu do giá xăng dầu và hàng hóa nguyên liệu đầu vào cho nông nghiệp và xây dựng (Phân bón, thuốc trừ sâu, thức ăn chăn nuôi, sắt thép..) tăng, trong khi giá các hàng hóa thiết yếu giảm (*trong rổ tính CPI: xăng dầu chiếm 3%, Lương thực, thực phẩm chiếm 28%*).



ĐÁNH GIÁ THỰC TẾ 03 THÁNG ĐẦU NĂM 2022

Kinh tế vĩ mô của Việt Nam đang dần phục hồi và phát triển

- *Số DN thành lập mới* : Hiệu số DN thành lập gia nhập và rút lui khỏi thị trường gia tăng mạnh mẽ 34.600 DN, có nhiều DN mở rộng SX, thay đổi cơ cấu ngành nghề, hoạt động hiệu quả hơn Q1 cùng kỳ và > 85% DN có nhiều đơn hàng mới trong Q2.
- *Sở tài chính TPHCM* công bố chương trình bình ổn giá bán các mặt hàng thiết thiếu năm 2022 đến tết Đính mảo 2023 chính thức áp dụng từ 2/4/2022.
- *Tín dụng toàn nền kinh tế* :tính đến 14/03/2022 tăng 3,38%, cao gấp 4 lần mức tăng cùng kỳ 2022



ĐÁNH GIÁ THỰC TẾ 03 THÁNG ĐẦU NĂM 2022

- Chính phủ ban hành nghị quyết về gói hỗ trợ và phục hồi phát triển kinh tế triển khai giai đoạn 2022-2023 với quy mô 350.000 tỉ đồng:
 - Phần lớn nhất chiếm khoảng 1/3: 114.000 tỷ đồng sẽ chi cho phát triển kết cấu hạ tầng
 - Khoảng 49.400 tỷ đồng thông qua chính sách giảm 2% thuế giá trị gia tăng, áp dụng từ tháng 2/2022 đến hết năm 2022
 - Khoảng 40.000 tỷ đồng, phần dành cho gói cấp bù lãi suất 2%/năm cho các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh....
Việc cấp bù lãi suất này trình chính phủ trong tháng 3/2022
 - Cấp vốn cho quỹ hỗ trợ phát triển du lịch, các chính sách an sinh xã hội, lao động, việc làm và khoảng 14.000 tỷ đồng cho hệ thống y tế

Về tổng thể có thể thấy, trong cả gói này, các hỗ trợ liên quan đến chính sách tài khoá chiếm phần lớn. Cụ thể, khoảng 291.000 tỷ đồng, tương ứng với hơn 83%, còn lại là chính sách tiền tệ, chiếm 14% và các hỗ trợ khác 3%.



ĐÁNH GIÁ THỰC TẾ 03 THÁNG ĐẦU NĂM 2022

- ✚ 2022 – Phân hóa giữa Covid và xung đột địa chính trị - nỗ lực phục hồi hậu COVID trong Q1/2022 dưới ảnh hưởng của xung đột địa chính trị Nga - Ucraina
 - Tỷ lệ dân số tiêm đủ 2 mũi vaccine COVID-19 của Việt Nam đã đạt mức 71% dân số tại thời điểm cuối năm 2021, vượt qua mức mục tiêu để có được miễn dịch cộng đồng 70%.
 - Trên cơ sở thành tựu này, chính phủ Việt Nam đã dần mở cửa nền kinh tế từ đầu năm 2022 và đã khôi phục lại toàn bộ hệ thống du lịch nội địa cũng như quốc tế kể từ 5/3/2022.
 - Tuy nhiên, khi xung đột địa chính trị Nga – Ukraina bùng nổ từ giữa tháng 2/2022, một lần nữa cản trở đà phục của hồi sức tiêu thụ các sản phẩm F&B (thực phẩm, dịch vụ nhà hàng và đồ uống) và nền kinh tế Việt Nam bị ảnh hưởng không nhỏ trước tác động trực tiếp từ chiến tranh và gián tiếp từ các lệnh cấm vận mà Mỹ, Anh và các nước thuộc Liên Minh Châu Âu áp dụng lên Nga.
 - Nga là nhà cung cấp dầu mỏ, khí đốt, dầu hạt hướng dương, phân bón và sắt thép lớn trên thế giới đã tác động lên giá cả hàng hóa thực phẩm cơ bản khác đều tăng phi mã lên mức cao nhất trong hàng chục năm qua. Ngoài ra, giá phân bón cao kỷ lục cũng đẩy giá thực phẩm trong ngắn hạn lên mức cao mới.



ĐÁNH GIÁ THỰC TẾ 03 THÁNG ĐẦU NĂM 2022

➤ Dự báo tăng trưởng TTCK năm 2022 qua góc nhìn chung từ kế hoạch kinh doanh năm 2022 của các Công ty Chứng khoán

Mùa Đại hội cổ đông thường niên 2022 đã bắt đầu, hé lộ nhiều CTCK thận trọng với kế hoạch kinh doanh năm 2022 khi nền cơ sở so sánh KQKD năm 2021 đã cao hơn rất nhiều.

- VD: Chứng khoán Rồng Việt (VDSC) dù có kế hoạch tăng vốn điều lệ gấp đôi lên 2.100 tỷ đồng nhưng kế hoạch (LNST) giảm hơn 5,5% so với năm 2021.
- Chứng khoán FPT đề ra kế hoạch kinh doanh đi lùi cho năm 2022. Doanh thu và LNTT lần lượt giảm 3,7% và 6,3% so với thực hiện năm 2021.
- Chứng khoán Bản Việt lên kế hoạch kinh doanh 2022 đầy thận trọng với doanh thu dự kiến giảm 13% và LNTT chỉ nhích nhẹ 3% so với năm 2021
- Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội có kế hoạch tăng vốn gấp đôi lên hơn 6.500 tỷ đồng nhưng vẫn khá thận trọng trong việc lên kế hoạch kinh doanh năm 2022 với mục tiêu doanh thu và lợi nhuận tiếp tục tăng trưởng với tỷ lệ tối thiểu là 20%.

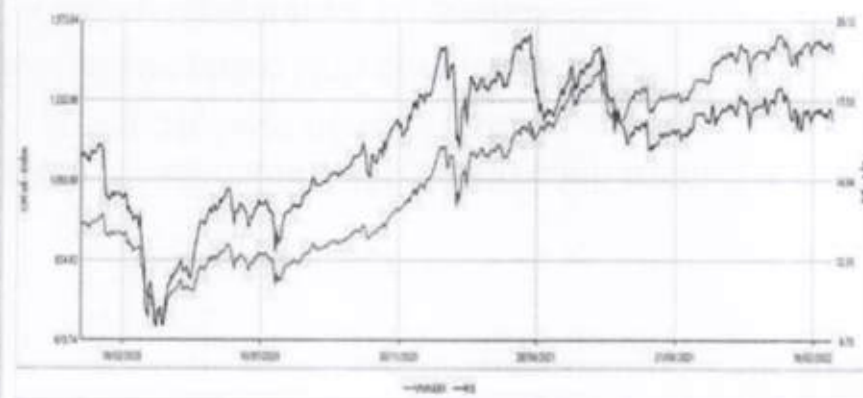
Năm 2021, thanh khoản kỷ lục thúc đẩy hoạt động môi giới. Tuy nhiên, thanh khoản có khả năng không tăng trưởng thêm trong năm 2022 sẽ gây áp lực lên doanh thu mảng môi giới; Bên cạnh đó, dư nợ cho vay margin tăng trưởng đều đặn theo quý nhưng tốc độ tăng trưởng đang có dấu hiệu chững lại trong quý 4/2021; Hoạt động tự doanh vốn dĩ là mảng mang lại lợi nhuận lớn nhất cho các CTCK cũng được đánh giá sẽ khó khăn hơn trong năm 2022 do dự báo khó tăng trưởng như năm 2021.



DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN ĐẦU NĂM 2022

Thị trường rung lắc mạnh

- Ngay sau khi đạt mức điểm cao mới ở vùng 1.530 điểm, VN-Index đã bước vào một nhịp điều chỉnh mạnh 6,2% về ngưỡng hỗ trợ 1.430 điểm trong những phiên đầu năm 2022.
- Diễn biến hồi phục cuối tháng 1/2022 đã giúp VN-Index bảo toàn xu hướng tăng dài hạn. Hiện tại, VN-Index đang biến động theo dạng đi ngang với biên độ hẹp 1.470 – 1.520 điểm.
- Thanh khoản thị trường cũng sụt giảm tới hơn 50% với diễn biến điều chỉnh đầu năm của thị trường do tâm lý thận trọng với sau khi thị trường điều chỉnh mạnh hơn dự kiến. Chỉ đến khi những nhóm ngành tiềm năng như Dầu khí, Hàng hóa cơ bản, Hóa chất, đạm, BĐS... thì thanh khoản mới được cải thiện.





VFS ĐỊNH HƯỚNG và MỤC TIÊU PHẤN ĐẤU NĂM 2022

ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT CỔ PHIẾU

Tăng thanh khoản, chất lượng cổ phiếu,
Tăng minh bạch thông tin

TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ

Gia tăng năng lực tài chính và khả năng cạnh tranh
trong các hoạt động cốt lõi.
Hỗ trợ các sản phẩm kinh doanh Môi giới,
Dịch vụ tài chính và Tụ doanh

TĂNG CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ

Đặt trọng tâm vào Môi giới
và đa dạng các sản phẩm Dịch vụ tài chính

NÂNG CAO THƯƠNG HIỆU VFS

Trở thành một trong những công ty
Chuyên nghiệp hiện đại chất lượng cao trong lĩnh vực
chứng khoán



KẾ HOẠCH NIÊM YẾT

PHƯƠNG ÁN ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT CỔ PHIẾU VFS	
Phương án	- Hủy đăng ký giao dịch cổ phiếu VFS tại Upcom và chuyển sang đăng ký niêm yết tại HOSE hoặc HNX
Mã chứng khoán	VFS
Tổng số lượng cổ phiếu đăng ký niêm yết	- Toàn bộ số lượng cổ phiếu đang lưu hành của Công ty tại thời điểm đăng ký niêm yết
Thời điểm dự kiến nộp hồ sơ	Năm 2022
Ủy quyền HĐQT	<ul style="list-style-type: none">- Thực hiện chuẩn bị hồ sơ, thủ tục cần thiết triển khai các công việc liên quan để thực hiện chuyển sàn giao dịch- Lựa chọn thời điểm thích hợp tiến hành chuyển sàn giao dịch- Thực hiện các thủ tục pháp lý khác theo yêu cầu của cơ quan chức năng có liên quan



KẾ HOẠCH TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ - PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU

PHƯƠNG ÁN PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU	
Tổ chức phát hành	Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhất Việt
Loại cổ phần	Cổ phần phổ thông
Mệnh giá	10.000 đồng/Cổ phần
Vốn Điều lệ trước khi phát hành	802.500.000.000 đồng
Số lượng cổ phiếu chào bán	220.350.000 (Hai trăm hai mươi triệu ba trăm năm mươi nghìn) cổ phiếu
Tổng giá trị chào bán theo mệnh giá:	2.203.500.000.000 (Hai nghìn hai trăm linh ba tỷ năm trăm triệu) đồng
Vốn điều lệ dự kiến sau khi chào bán:	3.006.000.000.000 (Ba nghìn không trăm linh sáu tỷ) đồng.
Phương thức phát hành	Chào bán cổ phiếu ra công chúng và chào bán riêng lẻ
Thời gian dự kiến chào bán	Sau khi thực hiện xong các thủ tục nội bộ theo quy định của pháp luật, được ĐHĐCĐ thông qua và việc chào bán cổ phiếu sẽ được tiến hành ngay sau khi nhận được sự chấp thuận của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.



KẾ HOẠCH TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ - CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

PHƯƠNG ÁN CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG	
Số lượng cổ phần chào bán dự kiến	80.250.000 cổ phần
Tổng giá trị phát hành (theo mệnh giá)	802.500.000.000 (Tám trăm lẻ hai tỷ năm trăm triệu đồng)
Giá chào bán dự kiến	10.000 đồng/Cổ phần
Vốn Điều lệ trước khi phát hành	802.500.000.000 đồng
Đối tượng phát hành	Phát hành cho các cổ đông hiện hữu của VFS có tên trong danh sách cổ đông tại ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền mua cổ phiếu.
Tỉ lệ chào bán	Tỷ lệ 1:1 (tại ngày chốt danh sách cổ đông thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm): Cụ thể mỗi cổ đông sở hữu 01 (một) cổ phiếu sẽ nhận được 01 (một) quyền mua, cứ 01 (một) quyền mua sẽ được mua thêm 1 (một) cổ phiếu mới.





KẾ HOẠCH TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ - CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG	
Xử lý số cổ phiếu không được bán hết	- Ủy quyền cho Hội đồng quản trị phân phối tiếp cho các đối tượng khác với giá chào bán là 10.000 đồng/cổ phiếu trong thời hạn Giấy phép chào bán cho phép. Số cổ phiếu được phân phối tiếp này sẽ bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 01 (một) năm kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán.
Chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu phát hành thêm	- Cổ đông sở hữu quyền mua chỉ được chuyển nhượng quyền mua một lần, người nhận chuyển nhượng quyền mua không được chuyển nhượng tiếp cho bên thứ ba.
Thời hạn đăng ký mua	- Tối thiểu 20 (Hai mươi) ngày kể từ ngày được phép thực hiện quyền tại VFS hoặc chuyển nhượng quyền mua theo thời gian đã công bố
Hạn chế chuyển nhượng	- Không hạn chế chuyển nhượng
Thời gian thực hiện	- Thời gian chào bán dự kiến trong năm 2022, sau khi được UBCKNN chấp thuận.



KẾ HOẠCH TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ - CHÀO BÁN RIÊNG LẺ

PHƯƠNG ÁN CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RIÊNG LẺ	
Tổ chức phát hành	Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhất Việt
Tên viết tắt	VFS
Loại cổ phần	Cổ phần phổ thông
Mệnh giá	10.000 đồng/Cổ phần
Số lượng cổ phần chào bán dự kiến	140.100.000 cổ phần
Tổng giá trị phát hành (theo mệnh giá)	1.400.100.000.000 (Một nghìn bốn trăm tỷ một trăm triệu) đồng
Giá chào bán dự kiến	Ủy quyền cho Hội đồng quản trị đàm phán và ra quyết định mức giá bán cụ thể cho từng nhà đầu tư, nhưng không thấp hơn mệnh giá



KẾ HOẠCH TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ- CHÀO BÁN RIÊNG LẺ

PHƯƠNG ÁN CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RIÊNG LẺ	
Xử lý số cổ phiếu không được bán hết	Số cổ phiếu không bán hết sẽ được hủy bỏ
Đối tượng chào bán	Chào bán cho nhà đầu tư chiến lược, nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp (dưới 100 nhà đầu tư, không kể nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp)
Tiêu chí lựa chọn nhà đầu tư	Là tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước có tiềm lực tài chính, cam kết đồng hành, hỗ trợ để phát triển Công ty, phù hợp với các quy định pháp luật về cổ đông Công ty Chứng khoán
Hạn chế chuyển nhượng	Cổ phần mới được chào bán riêng lẻ sẽ bị hạn chế chuyển nhượng 03 năm đối với nhà đầu tư chiến lược và 01 năm đối với nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp kể từ ngày kết thúc đợt chào bán theo quy định của pháp luật.
Thời gian thực hiện	Thời gian chào bán dự kiến trong năm 2022, sau khi được UBCKNN chấp thuận.



KẾ HOẠCH TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ

MỤC ĐÍCH TĂNG VỐN

Nhu cầu vốn	Giá trị (đồng)
- Tăng vốn cho hoạt động đầu tư tự doanh chứng khoán:	1.865.000.000.000
- Tăng vốn cho hoạt động cho vay ký quỹ:	338.500.000.000
Tổng cộng	2.203.500.000.000



CHIẾN LƯỢC KINH DOANH 2022

ĐV. Triệu đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện Năm 2021	Kế hoạch Năm 2022	So sánh 2022 với Năm 2021
Tổng doanh thu	135,540	152,000	12%
Doanh thu Môi giới	17,282	25,900	50%
Doanh thu Dịch vụ	24,761	47,600	92%
Doanh thu tự doanh	72,463	53,700	-26%
Doanh thu tư vấn	3,922	5,700	45%
Lãi tiền gửi	10,921	10,900	0%
Doanh thu khác	6,191	8,200	32%
Tổng chi phí	36,992	44,658	21%
Lợi nhuận trước thuế	98,549	107,342	9%



O novo significado do Trabalho
e o futuro da Gestão

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NHẬT VIỆT

O novo significado de Trabalho
e o futuro da Gestão

O novo significado do Trabalho
e o futuro da Gestão

TRÂN TRỌNG CAM ƠN

O novo significado do Trabalho
e o futuro da Gestão



TP. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 03 năm 2022

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Tại Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên năm 2022

Kính trình : **ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**
CÔNG TY CỔ CHỨNG KHOÁN NHẤT VIỆT (VFS)



I. Hoạt động của HĐQT trong năm 2021

1. Bối cảnh thị trường năm 2021

- *Thị trường chứng khoán thế giới chứng kiến sự phân hóa trong năm 2021. Các thị trường chứng khoán lớn ở Châu Âu và Mỹ tiếp diễn đà hồi phục từ năm 2020, tiêu biểu như Dow Jones, DAX, FTSE 100 lần lượt tăng trưởng 18,7%, 15,8%. Trong khi đó, các thị trường chứng khoán tại châu Á lại diễn biến kém khả quan hơn. Các thị trường Nhật Bản hay Trung Quốc chỉ đi ngang và chốt năm chỉ tăng 4%, thị trường Hồng Kông thậm chí giảm đến 14%.*
- *Các yếu tố vĩ mô của Việt Nam chịu tác động tiêu cực từ dịch bệnh:*
 - Theo số liệu từ Tổng cục Thống kê (TCTK), GDP trong năm 2021 tăng 2.58% YoY (quý 1 tăng 4.72% YoY, quý 2 tăng 6.73% YoY, quý 3 giảm 6.02% YoY và quý 4 tăng 5.22% YoY), mức tăng trưởng thấp nhất trong lịch sử thống kê do trước do dịch Covid-19 ảnh hưởng nghiêm trọng tới mọi lĩnh vực của nền kinh tế, đặc biệt là trong quý III/2021 nhiều địa phương kinh tế trọng điểm phải thực hiện giãn cách xã hội kéo dài để phòng chống dịch bệnh. Tuy nhiên quý 4 GDP tăng 5.22% YoY cho thấy nền kinh tế đang từng bước phục hồi sau khi các lệnh giãn cách dần được gỡ bỏ.
 - Bình quân năm 2021, CPI tăng 1,84% so với năm trước, mức tăng thấp nhất kể từ năm 2016 và thấp so với mục tiêu dưới 4% của Chính phủ đưa ra trong Nghị quyết 01/NQ-CP hồi đầu năm.
 - Sau khi ở dưới ngưỡng 50 những tháng đầu năm, chỉ số PMI ngành sản xuất của Việt Nam đã tăng trở lại trên ngưỡng 50 điểm trong quý 4 năm 2021 cho thấy các điều kiện kinh doanh cải thiện mạnh và với mức độ đáng kể nhất kể từ tháng 4/2021. Số lượng đơn đặt hàng mới tăng giúp sản lượng ngành sản xuất tiếp tục tăng do nhu cầu khách hàng cải thiện từ khi các lệnh hạn chế liên quan tới Covid-19 được nới lỏng vào đầu tháng 10.

- Tổng vốn FDI đăng ký vào Việt Nam năm 2021 ước tính đạt 31,15 tỷ USD, tăng 9,2% so với năm 2020 nhưng tổng vốn FDI giải ngân ước chỉ đạt 19,74 tỷ USD, giảm 1,2% so với năm 2020. Việc vốn đăng ký vào Việt Nam tăng trưởng cho thấy tiềm năng thu hút đầu tư của Việt Nam vẫn được duy trì. Tuy nhiên, do sự bùng phát của dịch bệnh trong năm 2021, các biện pháp giãn cách nghiêm ngặt được áp dụng đã khiến việc triển khai vốn gặp nhiều khó khăn.
- *Các chính sách đối phó với dịch bệnh của Chính phủ tạo ra nguồn vốn giá rẻ trên thị trường*
 - Ngân hàng Nhà nước duy trì chính sách tiền tệ nới lỏng. Sau những lần hạ lãi suất liên tiếp, lãi suất cho vay vẫn tiếp tục được duy trì ở mức thấp 4,4%/năm. Đồng thời, việc nới room tín dụng cho các ngân hàng thương mại cũng đã giúp cung tiền M2 tăng trưởng ổn định ở mức 12%.
 - Chính sách tài khóa mở rộng với quy mô lên tới 269.464 tỷ đồng, tương đương 3,2% GDP, bao gồm các gói hỗ trợ hàng trăm nghìn tỷ đồng giúp hỗ trợ về thuế và chi phí thiết yếu cũng như các gói đầu tư công lớn...
- *Thị trường chứng khoán Việt Nam tăng trưởng kỷ lục nhờ sự nhập cuộc mạnh mẽ của dòng tiền nội*
 - Về diễn biến giá, VN-Index tăng trưởng là khoảng 35% trong năm 2021. Đây là mức tăng trưởng cao thứ 2 trong 10 năm trở lại đây của thị trường chứng khoán Việt Nam và cũng là con số vượt trội trên thế giới.
 - Vốn hóa TTCK Việt Nam năm 2021 đạt 7,7 triệu tỷ đồng, tăng trưởng 46% kể từ đầu năm, mức tăng trưởng cao nhất trong vòng 3 năm qua. Vốn hóa của thị trường chứng khoán đã đạt 122,8% GDP Việt Nam, cho thấy thị trường chứng khoán đang trở thành một kênh huy động vốn quan trọng.
 - Tính chung năm 2021, nhà đầu tư trong nước mở mới hơn 1,5 triệu tài khoản chứng khoán. Đây là con số kỷ lục chưa từng có trong lịch sử thị trường chứng khoán Việt Nam.

2. Công tác của HĐQT trong năm 2021

- Nghị quyết HĐQT số 01/2021/NQ/VFS-HĐQT thông qua việc tổ chức họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 và ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông tham dự vào ngày 05/02/2021.
- Nghị quyết HĐQT số 02/2021/NQ/VFS-HĐQT thông qua đơn xin từ nhiệm vị trí Tổng giám đốc của ông Trần Anh Thắng vào ngày 04/03/2021.
- Nghị quyết HĐQT số 03/2021/NQ/VFS-HĐQT thông qua thay đổi nhân sự là người nội bộ: miễn nhiệm vị trí Chủ tịch HĐQT của ông Trần Anh Thắng, bầu ông Trần Anh Thắng làm Phó Chủ tịch thường trực HĐQT; bầu ông Nguyễn Thế Anh làm Chủ tịch HĐQT; bổ

nhiệm ông Trần Anh Thắng làm Tổng Giám đốc; ông Phan Thành Đạt là thành viên HĐQT độc lập của Công ty vào ngày 09/04/2021.

- Nghị quyết HĐQT số 04/2021/NQ/VFS-HĐQT thông qua một số nội dung HĐQT ủy quyền cho Chủ tịch HĐQT trong thời gian HĐQT không thể tổ chức cuộc họp; Thông qua quy định về việc ủy quyền lại của Chủ tịch HĐQT vào ngày 12/04/2021.
- Nghị quyết HĐQT số 05/2021/NQ/VFS-HĐQT thông qua một số vấn đề chi tiết về việc triển khai thực hiện Phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ năm 2021 vào ngày 11/05/2021.
- Nghị quyết HĐQT số 06/2021/NQ/VFS-HĐQT thông qua ban hành Quy chế lương, thưởng và chế độ đãi ngộ cho người lao động vào ngày 21/05/2021.
- Nghị quyết HĐQT số 07/2021/NQ/VFS-HĐQT thông qua việc ký kết hợp đồng dịch vụ tư vấn với người có liên quan của người nội bộ vào ngày 07/06/2021.
- Nghị quyết HĐQT số 08/2021/NQ/VFS-HĐQT thông qua quyết định ký hợp đồng kiểm toán năm 2021 với Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm Toán Phía Nam (AASCS) vào ngày 21/06/2021.
- Nghị quyết HĐQT số 09/2021/NQ/VFS-HĐQT thông qua chủ trương giao dịch trái phiếu chính phủ vào ngày 15/07/2021.
- Nghị quyết HĐQT số 10/2021/NQ/VFS-HĐQT thông qua quyết định đầu tư trái phiếu chính phủ dự kiến trong tháng 07/2021 vào ngày 29/07/2021.
- Nghị quyết HĐQT số 11/2021/NQ/VFS-HĐQT thông qua quyết định bán trái phiếu chính phủ dự kiến trong tháng 07 và 08/2021 vào ngày 30/07/2021.
- Nghị quyết HĐQT số 12/2021/NQ/VFS-HĐQT thông qua quyết định bán trái phiếu chính phủ dự kiến trong tháng 08/2021 vào ngày 10/08/2021.
- Nghị quyết HĐQT số 13/2021/NQ/VFS-HĐQT thông qua quyết định đầu tư trái phiếu doanh nghiệp của Công ty TNHH Marcus vào ngày 24/09/2021.
- Nghị quyết HĐQT số 14/2021/NQ/VFS-HĐQT thông qua quyết định đầu tư trái phiếu doanh nghiệp của Công ty CP ABG Hà Nội vào ngày 28/09/2021.
- Nghị quyết HĐQT số 15/2021/NQ/VFS-HĐQT thông qua kết quả thực hiện quyền mua cổ phiếu của cổ đông hiện hữu và Phương án xử lý cổ phiếu lẻ, cổ phiếu do cổ đông hiện hữu không đăng ký mua hết vào ngày 04/10/2021.
- Nghị quyết HĐQT số 16/2021/NQ/VFS-HĐQT thông qua các nội dung: kết quả chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng và chào bán riêng lẻ; việc điều chỉnh giấy phép thành lập và hoạt động; sửa đổi điều lệ; đăng ký chứng khoán bổ sung tại VSD và đăng ký giao dịch cổ phiếu bổ sung tại HNX vào ngày 07/10/2021.

TY
ANH
THẮNG
CHỨC
VIỆ
TRƯỞNG

- Tiếp tục chỉ đạo hoạt động mở rộng mạng lưới kinh doanh, đa dạng các sản phẩm Dịch vụ tài chính, tập trung cho hoạt động Môi giới và Tự doanh trên cơ sở tăng cường quản trị rủi ro, bảo đảm an toàn vốn. Đồng thời, quản trị hiệu quả chi phí hoạt động công ty trong suốt năm 2021.

3. Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2021:

- Tổng doanh thu: 135.540 tỷ đồng, vượt 45% so với kế hoạch năm 2021 và tăng 67% so với thực hiện năm 2020.
- Tổng chi phí: 36.992 tỷ đồng, thấp hơn 23% so với kế hoạch năm 2021 và giảm 9,61% so với năm 2020.
- Lợi nhuận trước thuế: 98,548 tỷ đồng, vượt 171% so với kế hoạch đặt ra năm 2021 và tăng 144% so với năm 2020. Trong đó, lợi nhuận đã thực hiện là 48,439 tỷ đồng và lợi nhuận chưa thực hiện 50,109 tỷ đồng.
- Lợi nhuận trước thuế của VFS năm 2021 tăng trưởng mạnh nhờ thị trường chứng khoán Việt Nam khá khởi sắc vào cuối năm 2021 với nhiều yếu tố thuận lợi đồng thời nguồn vốn tăng thêm từ phát hành riêng lẻ và phát hành ra công chúng từ cuối năm 2021 đã bắt đầu hấp thụ và hoạt động kinh doanh của công ty.

4. Thù lao, chi phí của Hội đồng quản trị:

Trong năm 2021, thù lao của Hội đồng quản trị được thực hiện theo Tờ trình số 06/2020/TTr – HĐQT - VFS về phương án thù lao năm 2020 của HĐQT. Cụ thể như sau:

STT	Bộ phận	Chức danh	Thù lao năm 2021 (đồng)
	HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ		414.833.360
1	Nguyễn Thế Anh	Chủ tịch HĐQT	85.166.672
2	Trần Anh Thắng	Phó chủ tịch thường trực HĐQT	79.666.672
3	Đào Đức Anh	Thành viên HĐQT	85.166.672
4	Phan Thành Đạt	Thành viên HĐQT độc lập	85.166.672
5	Nguyễn Thị Thu Bình	Thành viên HĐQT	79.666.672

5. Công tác đánh giá của các thành viên Hội đồng quản trị

a. Thành viên HĐQT độc lập

Căn cứ theo Quy định của Điều 155 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, hiện có 01 thành viên HĐQT độc lập tại Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhất Việt.

Trong năm 2021, các hoạt động của thành viên HĐQT độc lập được thực hiện theo đúng Quy định trong Điều lệ Công ty và các văn bản Pháp luật liên quan.

Đánh giá của thành viên HĐQT độc lập về hoạt động của HĐQT: Trong năm 2021, HĐQT của Công ty đã tiến hành đầy đủ các cuộc họp HĐQT theo quy định của pháp luật hiện hành, và ban hành các Biên bản và Nghị quyết làm cơ sở cho Ban Giám đốc triển khai các hoạt động sản xuất kinh doanh.

b. Tiểu ban thuộc HĐQT

Hiện có 01 Tiểu ban Quản trị rủi ro trực thuộc HĐQT theo Nghị quyết HĐQT số 15 /2019/NQ/VFS-HĐQT.

Trong năm 2021, Tiểu ban Quản trị rủi ro đã hoạt động trên tinh thần độc lập, khách quan, trung thực nhằm mục đích tối thiểu hóa thiệt hại cho VFS và khách hàng, đảm bảo quá trình hoạt động của công ty được diễn ra thông suốt, liên tục, an toàn, chính xác, hiệu quả, tăng cường khả năng đạt được các mục tiêu đã hoạch định.

c. Tổng Giám đốc

Trong năm 2021, Hội đồng Quản trị đã giám sát và chỉ đạo Tổng giám đốc Công ty triển khai hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021 của Công ty theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu trong kế hoạch sản xuất kinh doanh được ĐHĐCĐ phê duyệt.

Công tác giám sát của HĐQT đối với Tổng giám đốc cho thấy Tổng Giám đốc thực hiện công việc trong quyền hạn, nghĩa vụ, trách nhiệm của mình, và theo các văn bản Pháp luật liên quan.

6. Giao dịch với các bên liên quan

STT	Tên tổ chức	Mối quan hệ	Giao dịch	Số Nghị quyết HĐQT/ ĐHĐCĐ thông qua (nếu có)
1	Công ty cổ phần đầu tư Helios	Ông Phan Thành Đạt – Tổng giám đốc Công ty cổ phần đầu tư Helios, đồng thời là thành viên HĐQT độc lập của VFS	Hợp đồng đăng kí tư vấn công ty đại chúng, và đăng kí giao dịch	07/2021/NQ/VFS-HĐQT ban hành 07/06/2021



II. Định hướng hoạt động 2022

1. Cơ sở định hướng hoạt động kinh doanh năm 2022:

- *Nền tảng vĩ mô tích cực là tiền đề cho sự tăng trưởng của thị trường chứng khoán:*
 - Dự phóng tăng trưởng GDP tích cực trên nền thấp của năm 2021, GDP đạt 6%- 6,5% trong 2022 trên nền thấp 2021 dựa trên các động lực 1) Tỷ lệ tiêm vắc xin đạt trên 70% trong năm 2022; 2) Dòng vốn FDI đổ vào trong nước sẽ tiếp tục gia tăng khi Việt Nam vẫn là điểm đến hấp dẫn nhà đầu tư nước ngoài; 3) Chính phủ vẫn còn dư địa cho chính sách tài khóa mở rộng và duy trì mặt bằng lãi suất thấp ít nhất đến quý 2/2022 thúc đẩy đầu tư công, duy trì mặt bằng lãi suất thấp hỗ trợ các doanh nghiệp hoạt động kinh doanh trở lại và cho phép doanh nghiệp được gia hạn trả nợ; 4) Xuất khẩu tăng trưởng với việc các FTA được ký kết đang dần có hiệu lực (CPTPP, EVFTA, UKFTA, RCEP...) và các chuyến bay thương mại quốc tế được nối lại kể từ ngày 15/02/2022 hỗ trợ sự phục hồi ngành du lịch.
 - Dự phóng chỉ số PMI ngành sản xuất của Việt Nam sẽ tiếp tục tăng nhờ kỳ vọng sản lượng và đơn đặt hàng mới sẽ tiếp tục tăng do nhu cầu của khách hàng phục hồi trong điều kiện kinh doanh ổn định. Tuy nhiên vấn đề về nguồn cung có thể cản trở việc gia tăng sản lượng do công nhân còn chưa trở lại làm việc sau đại dịch.
 - Xuất khẩu tiếp tục duy trì tăng trưởng cho năm 2022 dựa trên các động lực 1) các doanh nghiệp khôi phục hoạt động, nhà máy mở cửa trở lại và công suất hoạt động dần trở lại trạng thái bình thường; 2) Nhu cầu mạnh mẽ trong mùa tiêu dùng cuối năm tại các thị trường phát triển; 3) với việc các FTA được ký kết đang dần có hiệu lực (CPTPP, EVFTA, UKFTA, RCEP...) giúp Việt Nam có thêm nhiều lợi thế cạnh tranh với các nước không tham gia hiệp định; 4) Giá hàng hoá xuất khẩu, nhất là các mặt hàng thế mạnh của Việt Nam (sắt thép, nông lâm thủy sản, gạo...) đang có xu hướng tăng là động lực quan trọng để gia tăng giá trị xuất khẩu.
 - Dự báo dư nợ tín dụng tăng trưởng 14% nhờ vào (1) chính phủ vẫn đưa ra các biện pháp cứu trợ kinh tế khác như nới room tín dụng cho ngân hàng thương mại; (2) hồi phục sản xuất cần vốn nên nhu cầu vay sẽ tăng cao hơn trong năm 2022.
- *Các rủi ro tiềm ẩn:*
 - Các căng thẳng địa chính trị, chiến tranh thương mại tiếp tục tiềm ẩn những rủi ro. Đặc biệt, là sự xung đột giữa Nga và Ukraina làm leo thang căng thẳng giữa Nga với EU và Mỹ. Các chính sách áp đặt lên đối phương của các cường quốc này có thể gây ảnh hưởng nặng nề đến nền kinh tế toàn thế giới.
 - Dịch bệnh Covid-19 vẫn diễn biến phức tạp. Mặc dù việc phổ cập vaccine tại Việt Nam đang tiến triển tốt nhưng vẫn tồn tại rủi ro các biến chủng mới xuất hiện và khiến tình hình

phòng dịch trở nên khó khăn hơn đặc biệt là khi các biện pháp giãn cách hầu như đã được gỡ bỏ.

2. Kế hoạch kinh doanh năm 2022 xây dựng trên cơ sở kế hoạch tăng Vốn Điều lệ công ty lên 3.006 tỉ đồng thành công

Trên cơ sở những nhận định trên, HĐQT định hướng hoạt động kinh doanh năm 2022 như sau:

- a. Dự kiến VFS sẽ chuyển đăng ký giao dịch tại Upcom sang đăng ký niêm yết tại Sở giao dịch Chứng khoán Tp Hồ Chí Minh (HSX) hoặc Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) trong năm 2022. Điều này sẽ giúp tăng tính thanh khoản và giá trị của doanh nghiệp trên thị trường.
- b. Dự kiến tăng vốn điều lệ công ty từ 802,5 tỷ đồng lên 1.605 tỷ đồng thông qua việc phát hành cổ phiếu ra công chúng. Mục đích của đợt tăng vốn này nhằm gia tăng nguồn vốn cho hoạt động kinh doanh của công ty...
- c. Dự kiến tăng vốn điều lệ công ty từ 1.605 tỷ đồng lên 3.006 tỷ đồng thông qua việc phát hành riêng lẻ. Mục đích của đợt tăng vốn này nhằm gia tăng nguồn vốn trung, dài hạn cho việc mở rộng hoạt động kinh doanh, đầu tư công nghệ mới và đầu tư vào các dự án chiến lược 2021 – 2025,... ;
- d. Tập trung phát triển mạnh mẽ Dịch vụ Môi giới và đa dạng sản phẩm Dịch vụ tài chính; Ứng dụng công nghệ trong quá trình triển khai các sản phẩm nhằm đưa ra nhiều sản phẩm thuận tiện trong giao dịch, an toàn và đảm bảo tính bảo mật cao phù hợp nhu cầu của khách hàng.
- e. Xây dựng mảng Tư vấn trở thành một mảng kinh doanh trọng yếu; Tăng cường số lượng chuyên viên tư vấn, nâng cao kiến thức chuyên môn về nghiệp vụ, mở rộng hệ thống khách hàng mới. Qua đó, đẩy mạnh các mảng nghiệp vụ tư vấn chào bán chứng khoán, tư vấn niêm yết, tái cấu trúc doanh nghiệp...
- f. Các quy định mới về TTCK áp dụng vào nửa cuối năm 2021 sẽ thúc đẩy sự phát triển TTCK Việt Nam nói chung. Các yếu tố vĩ mô lãi suất thấp, đầu tư công, dịch bệnh được kiểm soát sẽ giúp TTCK năm 2022 tiếp tục được kỳ vọng sẽ là một năm tích cực. Việc tìm kiếm và nắm bắt cơ hội đầu tư Tự doanh chứng khoán cho Công ty cũng sẽ là một trong những hoạt động trọng tâm của công ty trong năm nay.

Với tinh thần đó, HĐQT kính trình Đại hội thông qua các hoạt động chính sau:

- i. Chuyển đăng ký giao dịch cổ phiếu VFS tại Upcom sang đăng ký niêm yết cổ phiếu VFS trong năm 2022;
- ii. Phát hành ra công chúng để tăng vốn điều lệ Công ty lên 1.605 tỷ đồng;
- iii. Phát hành cổ phiếu riêng lẻ để tăng vốn điều lệ Công ty lên 3.006 tỷ đồng;

iv. Các chỉ tiêu chính Kế hoạch kinh doanh năm 2022:

Tổng doanh thu: 152 tỷ đồng, tăng 12% so với thực hiện năm 2021

Tổng Chi phí: 44,658 tỷ đồng, tăng 21% so với thực hiện năm 2021

Lợi nhuận trước thuế: 107,342 tỷ đồng, tăng 9% so với thực hiện năm 2021

Trên đây là Báo Cáo hoạt động của HĐQT tại Đại hội Đồng cổ thường niên năm 2022. HĐQT rất mong nhận được các ý kiến và đóng góp của Quý vị Cổ đông để cùng VFS tìm được những chính sách và hướng đi hiệu quả trong năm 2022.

Trân trọng cảm ơn Đại Hội.

TM. Hội đồng quản trị

Chủ tịch



Nguyễn Thế Anh



TP. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 03 năm 2022

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022
Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhất Việt

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2021/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2021;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần chứng khoán Nhất Việt;
- Căn cứ vào quy chế làm việc của Ban kiểm soát;

Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhất Việt (VFS) xin báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 về tình hình thực hiện công tác kiểm tra, giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh của Ban kiểm soát VFS năm 2021 và kế hoạch hoạt động của Ban kiểm soát trong năm 2022 như sau:

PHẦN A: KẾT QUẢ KIỂM TRA, GIÁM SÁT NĂM 2021

I. Hoạt động của Ban Kiểm soát trong năm 2021

1. Công tác tổ chức

Năm 2021, Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhất Việt gồm có 03 thành viên bao gồm: 01 Trưởng Ban kiểm soát và 02 Thành viên Ban kiểm soát. Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty đã thông qua việc thay đổi nhân sự của Ban kiểm soát, cụ thể như sau:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
1	Trần Văn Dương	Trưởng BKS	
2	Cù Mạnh Đạt	Thành viên BKS	Miễn nhiệm 04/2021
3	Phạm Thị Thanh Thúy	Thành viên BKS	Miễn nhiệm 04/2021

4	Trương Văn Tiến	Thành viên BKS	Bổ nhiệm 04/2021
5	Trịnh Thị Lan	Thành viên BKS	Bổ nhiệm 04/2021

2. Tình hình hoạt động của Ban kiểm soát năm 2021

- Trong năm 2021, Ban kiểm soát đã họp phân công nhiệm vụ cho từng thành viên Ban kiểm soát để thực hiện các chức năng nhiệm vụ của ban, họp xây dựng bổ sung kế hoạch hoạt động năm 2021, tổng kết các hoạt động và đề ra kế hoạch hoạt động kiểm tra, giám sát.
- Sau đại hội đồng cổ đông, Ban Kiểm soát đã lập kế hoạch bổ sung cho kế hoạch hoạt động đầu năm và đã họp phân công nhiệm vụ cho từng thành viên Ban kiểm soát.
- Ban Kiểm soát đã kiểm tra giám sát các mặt hoạt động của Công ty thông qua việc tham gia các cuộc họp của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và các văn bản, báo cáo định kỳ của các Phòng chuyên môn.
- Kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các chính sách pháp luật, chế độ của Nhà nước, các quy định của HĐQT và Ban Giám đốc Công ty thông qua việc xem xét nghiên cứu các Nghị quyết của HĐQT và các Quyết định điều hành hoạt động của Ban giám đốc.
- Phối hợp với Công Ty TNHH Dịch Vụ Tư Vấn Tài Chính Kế Toán Và Kiểm Toán Phía Nam (AASCS) giám sát việc thực hiện soát xét Báo cáo Tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 30/06/2021 và báo cáo tài chính bán niên năm 2021; kiểm toán Báo cáo Tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 31/12/2021 và Báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty.

3. Kết quả kiểm soát hoạt động quản lý và điều hành Công ty:

- Công tác điều hành của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc Công ty trong năm 2021 đã tuân thủ theo Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Điều lệ hoạt động, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các quy định pháp luật có liên quan.
- Trong năm 2021, Hội đồng quản trị đã tổ chức 16 cuộc họp để quản lý các hoạt động của Công ty, Hội đồng quản trị đã thường xuyên theo dõi hoạt động và tình hình thực hiện các quyết định đã ban hành, giám sát tình hình hoạt động của Công ty thông qua các báo cáo định kỳ của Ban Giám đốc. Hội đồng quản trị đã chỉ đạo, hỗ trợ và tạo điều kiện thuận lợi để Ban Giám đốc, Ban kiểm soát của Công ty thực hiện các chức năng, nhiệm vụ theo quy định.
- Ban Giám đốc Công ty luôn làm việc tích cực với tinh thần trách nhiệm cao. Ban Giám đốc đã đánh giá đầy đủ các thuận lợi, khó khăn, thường xuyên thực hiện công

tác quản trị rủi ro để phòng ngừa thiệt hại và dự báo để đón đầu cơ hội. Đồng thời tập trung điều hành quyết liệt, linh hoạt, sát sao mọi hoạt động của Công ty. Thực hiện các giải pháp và triển khai kịp thời các quyết sách để tháo gỡ khó khăn, tích cực mở rộng thị trường. Thực hiện giải pháp hiệu quả về công tác quản lý cán bộ, tiền lương, tiền thưởng và mô hình quản trị của Công ty để tạo sự chủ động, linh hoạt cho các bộ phận, phòng ban. Huy động và nâng cao hiệu quả sử dụng mọi nguồn lực về vốn, tài sản và lao động, nâng cao năng lực của bộ máy quản lý giúp tiết kiệm chi phí.

4. Báo cáo về các giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do VFS nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn Điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc (Giám đốc), người điều hành khác của doanh nghiệp và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc (Giám đốc), người điều hành khác của doanh nghiệp là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.

- Giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do VFS nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn Điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác của doanh nghiệp và những người có liên quan của thành viên đó:

STT	Tên tổ chức/cá nhân	MQH liên quan với công ty	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số Nghị quyết/ Quyết định của HĐQT/ HDQT... thông qua
1	Công ty Cổ phần Đầu tư Helios	Người có liên quan của người nội bộ	0107581205, ngày cấp 29/09/2016, nơi cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội	Tầng 10, số 152 Phố Đức Chính, Phường Trúc Bạch, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội	08/06/2021	07/2021/NQ/VFS-HĐQT ban hành ngày 07/06/2021

- Giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác của doanh nghiệp là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch:

STT	Tên Tổ chức	Mối quan hệ	Giao dịch	Số Nghị quyết thông qua
-----	-------------	-------------	-----------	-------------------------

100
ÔNG
CỔ P
ỨNG
HẤT
T.F

1	Công ty Cổ phần Đầu tư Helios	Ông Phan Thành Đạt – Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Helios, đồng thời là thành viên HĐQT độc lập của VFS	Hợp đồng tư vấn đăng ký Công ty đại chúng và đăng ký giao dịch	07/2021/NQ/VFS -HĐQT ban hành ngày 07/06/2021
---	-------------------------------	--	--	---

5. Sự phối hợp giữa Ban kiểm soát, Hội đồng quản trị và Ban điều hành:

- Trong năm 2021, Ban kiểm soát đã phối hợp chặt chẽ với Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao. Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc đã tạo điều kiện thuận lợi để Ban kiểm soát thực hiện nhiệm vụ, cung cấp các thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của Công ty. Ban kiểm soát được mời tham gia đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị, họp giao ban của Công ty.
- Ban kiểm soát đã phối hợp chặt chẽ với Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc trong công tác kiểm tra, giám sát tại bộ máy điều hành Công ty để có những biện pháp xử lý kịp thời những vấn đề tồn tại nhằm nâng cao hiệu quả quản lý, đảm bảo tuân thủ đúng và đầy đủ các quy định hiện hành của cơ quan quản lý Nhà nước.

6. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban kiểm soát và từng thành viên Ban kiểm soát trong năm 2021:

STT	Thành viên	Chức vụ	Thù lao năm 2021 (đồng)	Ghi chú
1	Trần Văn Dương	Trưởng BKS	85.166.672	
2	Cù Mạnh Đạt	Thành viên BKS	9.666.666	Miễn nhiệm 04/2021
3	Phạm Thị Thanh Thúy	Thành viên BKS	13.333.333	Miễn nhiệm 04/2021
4	Trương Văn Tiến	Thành viên BKS	24.499.998	Bỏ nhiệm 04/2021
5	Trịnh Thị Lan	Thành viên BKS	35.249.997	Bỏ nhiệm 04/2021
Tổng			167.916.666	

II. Kết quả giám sát tình hình thực hiện kế hoạch SXKD năm 2021

1. Các chỉ tiêu thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021			
		Thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện	Ti lệ đạt kế hoạch	Ti lệ tăng trưởng so với 2020
I	Tổng doanh thu	81.219	93.182	135.540	145%	167%
1	Doanh thu Môi giới	11.426	14.282	17.282	121%	151%
2	Doanh thu Dịch vụ	18.379	29.701	24.761	83%	135%
3	Doanh thu Tự doanh	32.155	25.100	72.463	289%	225%
4	Doanh thu Tư vấn	7.271	8.725	3.922	45%	54%
5	Lãi tiền gửi	7.952	8.471	10.921	129%	137%
6	Doanh thu khác	4.036	6.903	6.191	90%	153%
II	Tổng Chi phí	40.923	47.731	36.992	78%	90%
III	Lợi nhuận sau thuế	36.061	36.360	88.918	245%	247%

(Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2021)

Trong năm vừa qua, Công ty đã đạt được kết quả kinh doanh vượt ngoài kế hoạch năm 2021. Chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế đạt 88,918 tỷ đồng vượt 245% so với kế hoạch và bằng 247% lợi nhuận sau thuế năm 2020.

2. Công tác tài chính kế toán

- Chấp hành đầy đủ các qui định, quy chế của Nhà nước trong công tác hạch toán kế toán. Hoàn thành báo cáo tài chính và thực hiện chế độ công bố thông tin đúng thời gian quy định.
- Tình hình thu xếp vốn trong năm 2021 về cơ bản đáp ứng yêu cầu kinh doanh của Công ty.
- Ban kiểm soát đã thực hiện thẩm định báo cáo tài chính trước khi kiểm toán và báo cáo tài chính sau khi kiểm toán.
- Kiểm tra các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng cũng như cách trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

- Thẩm định từng chỉ tiêu trên báo cáo tài chính; kiểm tra sổ sách, chứng từ kế toán, hồ sơ kiểm kê vật tư, tài sản, tiền vốn tại thời điểm 31/12/2021; hồ sơ công nợ và các hồ sơ tài liệu có liên quan khác.
- Xem xét báo cáo kiểm toán, thư quản lý do tổ chức kiểm toán độc lập phát hành.
- Ban kiểm soát có nhận xét:

Năm 2021 công ty đã thực hiện đúng các quy định của Luật kế toán, Chế độ kế toán và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam; đồng thời phù hợp với đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh và yêu cầu quản lý của công ty. Việc lập, luân chuyển, sử dụng và bảo quản chứng từ kế toán nhìn chung đảm bảo tính hợp pháp, hợp lý, hợp lệ; việc lập, ghi chép, sử dụng và bảo quản sổ sách kế toán đầy đủ, kịp thời đúng quy định của chế độ kế toán hiện hành. Báo cáo kế toán được lập tuân thủ đúng các chuẩn mực và các quy định kế toán hiện hành.

III. Kết quả thẩm định báo cáo tài chính năm 2021.

- Báo cáo tài chính đã phản ánh đầy đủ tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh và tài chính của công ty, được trình bày theo các mẫu báo cáo được quy định.
- Báo cáo đã phản ánh trung thực, hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính tại thời điểm 31/12/2021.
- Việc ghi chép, mở sổ kế toán, phân loại các nội dung kinh tế theo chuẩn mực kế toán do Bộ Tài chính ban hành.
- Công ty đã thực hiện báo cáo và công bố thông tin định kỳ đối với Công ty đại chúng theo quy định về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.
- Báo cáo tài chính năm 2021 của VFS đã được thực hiện kiểm toán đúng theo quy định tại điều lệ và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông 2021, do Công Ty TNHH Dịch Vụ Tư Vấn Tài Chính Kế Toán Và Kiểm Toán Phía Nam thực hiện.

IV. Kết luận và kiến nghị

Ban kiểm soát nhất trí với Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị, Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Ban Giám đốc, Báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán và Phương án phân phối lợi nhuận năm 2021 và dự kiến năm 2022 của Công ty trình tại Đại hội.

Để hoàn thành tốt các nhiệm vụ kế hoạch năm 2022, Ban kiểm soát kính đề nghị lãnh đạo Công ty:

- Tiếp tục tăng cường công tác tái cấu trúc theo hướng hiệu quả, phù hợp với điều kiện thực tế, bám sát chiến lược phát triển Công ty;
- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát nâng cao trách nhiệm đối với bộ phận, phòng ban của Công ty.

PHẦN B: KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2022

- Thực hiện rà soát lại cơ cấu, chức năng nhiệm vụ của bộ phận kiểm soát, kiểm toán nội bộ để kiện toàn lại bộ máy cho phù hợp hoạt động của VFS.
- Kiểm tra việc tuân thủ các chế độ chính sách, pháp luật Nhà nước, các quy định, văn bản hướng dẫn.
- Kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện công tác xây dựng quy chế, quy định, quy trình quản lý nội bộ của VFS.
- Kiểm tra cơ cấu tổ chức và lao động của đơn vị, công tác bổ nhiệm nhân sự, tuyển dụng lao động, chi trả lương và thu nhập.
- Kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện kế hoạch kinh doanh của đơn vị năm 2022 đã được ĐHĐCĐ thông qua. Kiểm tra việc thực hiện báo cáo thống kê theo quy định của các Phòng/Ban và đơn vị về tính kịp thời, chính xác của số liệu.
- Kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện kế hoạch cân đối nhu cầu vốn và kế hoạch dòng tiền phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị năm 2022.
- Thực hiện thẩm định Báo cáo tài chính quý, bán niên và thường niên năm 2022.

Trên đây là báo cáo tóm tắt tình hình hoạt động của Ban kiểm soát năm 2021 và phương hướng hoạt động chính của Ban kiểm soát năm 2022.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Xin trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT HĐQT;
- GD CT;
- Lưu VT, BKS.

**T.M BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



TRẦN VĂN DƯƠNG



Số: 04/2022/TTr-HĐQT-VFS

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 03 năm 2022

TỜ TRÌNH

(V/v Thông qua Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2021)

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022

Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhất Việt

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 do Quốc hội khóa 14 nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 do Quốc hội khóa 14 nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhất Việt.

Thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021, Hội đồng quản trị Công ty đã lựa chọn Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) để thực hiện công tác kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021. Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua nội dung Báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán. Công ty đã thực hiện công bố thông tin theo quy định và đăng tải toàn văn Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2021 trên trang thông tin điện tử Công ty, bao gồm:

- Báo cáo tình hình tài chính riêng;
- Báo cáo kết quả hoạt động riêng;
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng;
- Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu riêng;
- Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Ý kiến kiểm toán đối với Báo cáo tài chính: Chấp nhận toàn phần.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Hội đồng quản trị;
- Ban Kiểm soát;
- Lưu: VT.



NGUYỄN THẾ ANH



TỜ TRÌNH

(V/v lựa chọn đơn vị kiểm toán năm 2022)

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022
Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhất Việt

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 do Quốc hội khóa 14 nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 do Quốc hội khóa 14 nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhất Việt.

Ban Kiểm soát (BKS) Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) phê duyệt phương án lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo Tỷ lệ an toàn tài chính 06 tháng đầu năm 2022 và Báo cáo tài chính bán niên năm 2022; Báo cáo Tỷ lệ an toàn tài chính năm 2022 và Báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhất Việt như sau:

- Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS);
- Công ty TNHH KPMG (KPMG);
- Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học Thành phố Hồ Chí Minh (AISC);
- Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY (UHY).

Kính đề nghị HĐQT thông qua việc ủy quyền cho HĐQT lựa chọn Công ty kiểm toán cụ thể theo danh sách như trên.

Trường hợp không thương lượng được với các Công ty kiểm toán trong danh sách nêu trên thì HĐQT ủy quyền cho HĐQT được phép lựa chọn Công ty Kiểm toán khác có uy tín, chất lượng kiểm toán, mức phí kiểm toán phù hợp và đủ điều kiện cung cấp dịch vụ kiểm toán được Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán cho các đơn vị có lợi ích công chúng năm 2022.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Hội đồng Quản trị;
- Ban kiểm soát;
- Lưu VT.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**

TRẦN VĂN DƯƠNG

Số: 06/2022/TT-*HDQT-VFS*

TP. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 03 năm 2022

TỜ TRÌNH

(*V/v Báo cáo tình hình sử dụng vốn từ đợt phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ năm 2021*)

Kính gửi : Đại hội đồng cổ đông thường niên 2022
Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhất Việt

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 do Quốc hội khóa 14 nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 do Quốc hội khóa 14 nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư số 118/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về chào bán, phát hành chứng khoán, chào mua công khai, mua lại cổ phiếu, đăng ký công ty đại chúng và hủy tư cách công ty đại chúng;
- Căn cứ Thông tư số 121/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính quy định về hoạt động của công ty chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhất Việt

Thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 03/04/2021, Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhất Việt đã thực hiện phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ Công ty trong năm 2021. Công ty xin báo cáo tới Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 về kết quả phát hành tăng vốn và sử dụng vốn từ đợt phát hành này như sau:

1. Báo cáo kết quả phát hành tăng vốn từ đợt phát hành cổ phiếu tăng vốn Điều lệ Công ty năm 2021:

- Vốn điều lệ Công ty trước đợt phát hành: **410.000.000.000 đồng** (Bốn trăm mười tỷ đồng).
- Tổng số cổ phiếu đã phát hành: **39.250.000 cổ phiếu** (Ba mươi chín triệu hai trăm năm mươi nghìn cổ phiếu).
- Tổng giá trị vốn huy động được từ đợt phát hành: **392.500.000.000 đồng** (Ba trăm chín mươi hai tỷ năm trăm triệu đồng).
- Vốn điều lệ Công ty sau khi kết thúc đợt phát hành: **802.500.000.000 đồng** (Tám trăm linh hai tỷ năm trăm triệu đồng).

2. Báo cáo sử dụng vốn từ đợt phát hành cổ phiếu tăng vốn Điều lệ Công ty năm 2021:

- Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 03/04/2021 về việc phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ trong năm 2021, Công ty đã hoàn tất đợt phát hành tăng vốn và kiểm toán mục đích sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành, cụ thể như sau:

- Theo đó kế hoạch sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ năm 2021 như sau:

STT	Nội dung	Số tiền (đồng)
1	Tăng vốn cho hoạt động đầu tư doanh chứng khoán:	292.500.000.000
1.1	+ Đầu tư cổ phiếu:	47.500.000.000
1.2	+ Đầu tư trái phiếu	245.000.000.000
2	Tăng vốn cho hoạt động cho vay ký quỹ:	100.000.000.000
Tổng cộng		392.500.000.000

- Căn cứ vào thực tế, số tiền thu được từ đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ năm 2021 đã được sử dụng tính đến thời điểm 31/12/2021 như sau:

STT	Nội dung	Số tiền (đồng)
1	Tăng vốn cho hoạt động đầu tư doanh chứng khoán:	285.440.000.000
1.1	+ Đầu tư cổ phiếu:	40.440.000.000
1.2	+ Đầu tư trái phiếu	245.000.000.000
2	Tăng vốn cho hoạt động cho vay ký quỹ:	100.000.000.000
3	Số tiền chưa sử dụng:	7.060.000.000
Tổng cộng (1+2+3)		392.500.000.000

(Thông tin chi tiết được ghi nhận tại Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2021 của Công ty đã được công bố thông tin theo quy định của pháp luật)

Hội đồng quản trị xin báo cáo Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhất Việt về tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ năm 2021 như trên.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT; BKS; BGD;
- Lưu VT.



NGUYỄN THÈ ANH

Số: 07/2022/TTr-HĐQT-VFS

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 03 năm 2022

TỜ TRÌNH

(V/v chi trả thù lao Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát năm 2021 và kế hoạch chi trả năm 2022;
Phương án phân phối lợi nhuận năm 2021 và dự kiến năm 2022)

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên 2022
Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhất Việt

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 do Quốc hội khóa 14 nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 do Quốc hội khóa 14 nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhất Việt.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhất Việt kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua phương án chi trả thù lao của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát năm 2021 và phương án thù lao của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát năm 2022; phương án phân phối lợi nhuận năm 2021 và kế hoạch năm 2022 của Công ty như sau:

1. Thù lao của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát năm 2021:

STT	Nội dung	Thù lao cả năm 2021 (đồng)
1	Thù lao Chủ tịch HĐQT	85.166.672
2	Thù lao Phó chủ tịch HĐQT	79.666.672
3	Thù lao/phụ cấp Thành viên HĐQT (03 người)	250.000.016
3	Thù lao trưởng BKS	85.166.672
4	Thù lao thành viên BKS (04 người)	82.749.994
	Tổng cộng	582.750.026

2. Phương án thù lao của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát năm 2022:

Căn cứ trên Kế hoạch kinh doanh năm 2022 của Công ty, Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thông qua mức chi trả thù lao cho HĐQT và BKS Công ty năm 2022 như sau:

STT	Nội dung	Thù lao cả năm 2022
-----	----------	---------------------

		(đồng)
1	Thù lao/phụ cấp HĐQT	375.000.000
2	Thù lao BKS	160.000.000

3. Phương án phân phối lợi nhuận 2021

STT	Nội dung	Số tiền (đồng)
1	Lợi nhuận sau thuế TNDN	88.917.898.953
2	Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện	38.808.715.944
3	Trích lập các quỹ	2.328.522.957
	<i>Trích quỹ khen thưởng (2% LNST đã thực hiện)</i>	776.174.319
	<i>Trích quỹ phúc lợi (2% LNST đã thực hiện)</i>	776.174.319
	<i>Trích lập quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ (2% LNST đã thực hiện)</i>	776.174.319
4	Cổ tức	0
5	Lợi nhuận sau thuế sau khi trích lập các quỹ năm	86.589.375.996

4. Kế hoạch phân phối lợi nhuận 2022

Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông đề xuất không chia cổ tức năm 2022.

Trích quỹ năm 2022: Ủy quyền Hội đồng quản trị thực hiện dựa trên kết quả kinh doanh 2022.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và quyết định.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Hội đồng Quản trị;
- Ban kiểm soát;
- Lưu: VT.



NGUYỄN THẾ ANH

Số: 08/2022/TTr-HĐQT-VFS

TP. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 03 năm 2022

TỜ TRÌNH

(Về việc thông qua việc bổ sung Nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán phái sinh)

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022
Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhất Việt

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 do Quốc hội khóa 14 nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 do Quốc hội khóa 14 nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhất Việt;

Để tạo điều kiện cho Công ty mở rộng và phát triển hoạt động kinh doanh, cung cấp thêm cho khách hàng các sản phẩm và dịch vụ tài chính liên quan đến chứng khoán phái sinh, Hội đồng Quản trị kính trình Đại Hội Đồng Cổ Đông xem xét các nội dung sau đây:

1. Bổ sung nghiệp vụ Kinh doanh chứng khoán phái sinh vào nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán của VFS ngay khi VFS đáp ứng đủ các điều kiện theo quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và pháp luật liên quan, bao gồm các nghiệp vụ sau:

- Thực hiện kinh doanh chứng khoán phái sinh (bao gồm các hoạt động: Môi giới chứng khoán phái sinh, Tư vấn đầu tư chứng khoán phái sinh, Tự doanh chứng khoán phái sinh);
- Thực hiện hoạt động dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán phái sinh;
- Các hoạt động khác phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Ủy quyền cho Hội Đồng Quản Trị:

Ủy quyền cho Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc chủ động đầu tư và hoàn thiện cơ sở hạ tầng, đồng thời thực hiện các thủ tục cần thiết, đảm bảo phù hợp với yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và các ban ngành liên quan để thực hiện thành công việc bổ sung nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán phái sinh của VFS.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Hội đồng Quản trị;
- Ban kiểm soát;
- Lưu: VT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



NGUYỄN THẾ ANH

Số: 09/2022/TTr-HĐQT-VFS

TP. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 03 năm 2022

TỜ TRÌNH

(Về việc sửa đổi Điều lệ Công ty)

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022
Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhất Việt

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 do Quốc hội khóa 14 nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 do Quốc hội khóa 14 nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhất Việt;

Thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021 số 01/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 03/04/2021 của Công ty về việc tăng vốn điều lệ trong năm 2021, Công ty đã thực hiện tăng vốn điều lệ lên 802.500.000.000 đồng (Tám trăm linh hai tỷ năm trăm triệu đồng). Theo ủy quyền của ĐHĐCĐ, Hội đồng quản trị đã thông qua việc sửa đổi nội dung về Vốn điều lệ, cổ phần tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều 10 Điều lệ Công ty phù hợp với vốn điều lệ mới.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Điều lệ Công ty mới đã được cập nhật sửa đổi (phụ lục đính kèm). Điều lệ mới sẽ có hiệu lực kể từ ngày Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 được thông qua và thay thế cho bản Điều lệ hiện hành.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Hội đồng Quản trị;
- Ban kiểm soát;
- Lưu: VT.



NGUYỄN THẾ ANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐIỀU LỆ

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NHẤT VIỆT



VIETFIRST
SECURITIES

Tp. Hồ Chí Minh, Ngày 09 tháng 04 năm 2022



MỤC LỤC

CĂN CỨ PHÁP LÝ	6
I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ	6
Điều 1. Giải thích thuật ngữ.....	6
II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY.....	7
Điều 2. Tên, hình thức pháp lý, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty	7
Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty	8
III. MỤC TIÊU, PHẠM VI VÀ NGUYÊN TẮC HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY.....	8
Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty	8
Điều 5. Phạm vi hoạt động kinh doanh của Công ty	8
Điều 6. Nguyên tắc hoạt động:	9
Điều 7. Quyền của Công ty.....	9
Điều 8. Nghĩa vụ của Công ty	10
Điều 9. Các quy định về cấm và hạn chế	11
IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN.....	13
Điều 10. Vốn điều lệ, cổ phần	13
Điều 11. Sổ đăng ký cổ đông.....	14
Điều 12. Chứng nhận cổ phiếu	14
Điều 13. Chứng chỉ chứng khoán khác.....	15
Điều 14. Chuyển nhượng cổ phần	15
Điều 15. Thu hồi cổ phần và mua lại cổ phần.....	15
Điều 16. Cách thức tăng giảm vốn Điều lệ.....	16
V. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CỔ ĐÔNG	16
Điều 17. Quyền của cổ đông Công ty.....	16
Điều 18. Nghĩa vụ của cổ đông Công ty.....	18

Điều 19. Người đại diện theo ủy quyền của cổ đông.....	19
VI. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT	20
Điều 20. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát	20
Điều 21. Đại hội đồng cổ đông	20
Điều 22. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông	21
Điều 23. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông	23
Điều 24. Thay đổi các quyền.....	23
Điều 25. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông	24
Điều 26. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông.....	25
Điều 27. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông ...	25
Điều 28. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua	27
Điều 29. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.....	28
Điều 30. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	30
Điều 31. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	30
VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	31
Điều 32. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị	31
Điều 33. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị	32
Điều 34. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị.....	33
Điều 35. Thủ lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị.....	34
Điều 36. Chủ tịch Hội đồng quản trị	34
Điều 37. Phó Chủ tịch thường trực Hội đồng quản trị.....	35
Điều 38. Cuộc họp của Hội đồng quản trị.....	36
Điều 39. Người phụ trách quản trị công ty	37
VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC	37
Điều 40. Tổ chức bộ máy quản lý	37

Điều 41. Người điều hành Công ty	38
Điều 42. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc	38
IX. BAN KIỂM SOÁT HOẶC ỦY BAN KIỂM TOÁN TRỰC THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	39
Điều 43. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên)	39
Điều 44. Thành phần Ban Kiểm soát.....	39
Điều 45. Trưởng Ban kiểm soát.....	40
Điều 46. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát	40
Điều 47. Cuộc họp của Ban kiểm soát	41
Điều 48. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát..	41
X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC.....	41
Điều 49. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi.....	41
Điều 50. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường	42
XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY	43
Điều 51. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ.....	43
XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN.....	43
Điều 52. Công nhân viên và công đoàn	43
XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN.....	44
Điều 53. Phân phối lợi nhuận	44
XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN	44
Điều 54. Tài khoản ngân hàng	44
Điều 55. Năm tài chính	44
Điều 56. Chế độ kế toán	45
XV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN.....	45
Điều 57. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý	45
Điều 58. Báo cáo thường niên.....	45

XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY	45
Điều 59. Kiểm toán	45
XVII. DẤU CỦA DOANH NGHIỆP	46
Điều 60. Dấu của doanh nghiệp.....	46
XVIII. GIẢI THẺ CÔNG TY.....	46
Điều 61. Giải thẻ công ty	46
Điều 62. Gia hạn hoạt động.....	46
Điều 63. Thanh lý	46
XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ.....	47
Điều 64. Giải quyết tranh chấp nội bộ.....	47
XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ.....	47
Điều 65. Điều lệ công ty	47
XXI. NGÀY HIỆU LỰC.....	47
Điều 66. Ngày hiệu lực	47

CĂN CỨ PHÁP LÝ

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Doanh nghiệp;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Chứng khoán;
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Thông tư 121/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ Tài chính quy định về hoạt động của công ty chứng khoán;
- Quyết định của Đại Hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhất Việt tại Nghị quyết số 01/2022/NQ-ĐHĐCĐ ngày 09/04/2022.
- Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:
 - a) *Công ty* là Công ty Cổ Phần Chứng khoán Nhất Việt;
 - b) *Vốn điều lệ* là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã phát hành mà các cổ đông đã thanh toán đủ và được ghi vào Điều lệ Công ty;
 - c) *Vốn có quyền biểu quyết* là vốn cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - d) *Luật Doanh nghiệp* là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;
 - e) *Luật Chứng khoán* là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;
 - f) *Việt Nam* là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
 - g) *Ngày thành lập* là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu;
 - h) *Người điều hành Công ty* là Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm trên cơ sở đề nghị của Tổng giám đốc;
 - i) *Người quản lý Công ty* là người quản lý công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Tổng Giám đốc và các Giám đốc chi nhánh có thẩm quyền nhân danh Công ty ký kết các giao dịch của Công ty theo quy định tại Điều lệ này;
 - j) *Người có liên quan* là cá nhân, tổ chức có quan hệ với nhau theo quy định của Luật Chứng khoán và Luật Doanh nghiệp;

- k) *Cổ đông* là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của công ty cổ phần;
 - l) *Cổ đông sáng lập* là cổ đông sở hữu ít nhất một cổ phần phổ thông và ký tên trong danh sách cổ đông sáng lập công ty cổ phần;
 - m) *Cổ đông lớn* là cổ đông được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật Chứng khoán;
 - n) *Thời hạn hoạt động* là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua;
 - o) *Sở giao dịch chứng khoán* là Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con.
2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế.
3. Các tiêu đề (Mục, Điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức pháp lý, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty:

- Tên Công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NHẤT VIỆT
- Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: VIET FIRST SECURITIES CORPORATION
- Tên Công ty viết tắt: VFS

2. Hình thức pháp lý Công ty:

Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân được cấp phép thành lập và hoạt động theo quy định của Luật Chứng khoán và pháp luật hiện hành của Việt Nam.

3. Trụ sở đăng ký của Công ty:

- Địa chỉ trụ sở chính: Số 117-119-121 Nguyễn Du, Phường Bến Thành, Quận I, Thành phố Hồ Chí Minh
- Điện thoại: 028 6255 6586 - Fax: 028 6255 6580
- E-mail: ...
- Website: <https://www.vfs.com.vn>

4. Mạng lưới hoạt động:

- a) Công ty có thể thành lập chi nhánh, phòng giao dịch và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty, phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.
- b) Chi nhánh, phòng giao dịch và văn phòng đại diện là những đơn vị thuộc Công ty và Công ty phải chịu trách nhiệm hoàn toàn về hoạt động của chi nhánh, phòng giao dịch và văn phòng đại diện của mình;
- c) Công ty chỉ hoạt động kinh doanh chứng khoán, cung cấp dịch vụ chứng khoán tại các địa điểm đặt trụ sở chính, chi nhánh, phòng giao dịch đã được UBCK chấp thuận;

- d) Tên chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện phải mang tên Công ty kèm cụm từ chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện và tên riêng để phân biệt.
 - e) Thông tin các chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện hiện tại của Công ty được công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia, phù hợp với Điều lệ công ty và quy định của pháp luật hiện hành.
5. Thời hạn hoạt động của Công ty:
- Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn quy định tại Điều 61 hoặc gia hạn hoạt động theo quy định tại Điều 62 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty là vô thời hạn kể từ ngày thành lập.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

1. Người đại diện theo pháp luật của Công ty là cá nhân đại diện cho Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của Công ty, đại diện cho Công ty với tư cách nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án. Trách nhiệm của Người đại diện theo pháp luật thực hiện theo Điều 13 của Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.
2. Công ty có 01 người đại diện theo pháp luật. Người đại diện theo pháp luật là Tổng Giám đốc Công ty.
3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty phải cư trú ở Việt Nam; trường hợp xuất cảnh khỏi Việt Nam thì phải ủy quyền bằng văn bản cho cá nhân khác cư trú tại Việt Nam thực hiện quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của Công ty. Trường hợp này, người đại diện theo pháp luật vẫn phải chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ đã ủy quyền.
4. Trường hợp hết thời hạn ủy quyền mà người đại diện theo pháp luật của Công ty chưa trở lại Việt Nam và không có ủy quyền khác thì người được ủy quyền vẫn tiếp tục thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của Công ty trong phạm vi đã được ủy quyền cho đến khi người đại diện theo pháp luật của Công ty trở lại làm việc tại Công ty hoặc cho đến khi Hội đồng quản trị quyết định cử người khác làm người đại diện theo pháp luật của Công ty.
5. Trường hợp Người đại diện theo pháp luật vắng mặt tại Việt Nam quá 30 ngày mà không ủy quyền cho người khác thực hiện các quyền và nhiệm vụ của người đại diện theo pháp luật hoặc bị chết, mất tích, tạm giam, kết án tù, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự thì Hội đồng quản trị cử người khác làm đại diện theo pháp luật của Công ty.

III. MỤC TIÊU, PHẠM VI VÀ NGUYÊN TẮC HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty

Công ty được thành lập để thực hiện các ngành nghề kinh doanh đăng ký và đã được cấp phép theo quy định của Pháp luật; Nhằm mục tiêu thu lợi nhuận; Tăng lợi tức cho cổ đông; Tạo việc làm ổn định cho Người lao động; Đóng góp cho ngân sách Nhà nước; Đầu tư mở rộng và phát triển Công ty ngày càng lớn mạnh.

Điều 5. Phạm vi hoạt động kinh doanh của Công ty

1. Nghiệp vụ kinh doanh của Công ty:
 - a) Môi giới chứng khoán;

- b) Tự doanh chứng khoán;
 - c) Bảo lãnh phát hành chứng khoán;
 - d) Tư vấn đầu tư chứng khoán.
2. Ngoài các dịch vụ quy định đương nhiên được thực hiện khi được cấp phép các nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán quy định tại khoản 1 Điều này theo quy định tại Điều 86 Luật Chứng khoán, Công ty được cung cấp dịch vụ giao dịch chứng khoán trực tuyến, cung cấp hoặc phối hợp với các tổ chức tín dụng cung cấp dịch vụ cho khách hàng vay tiền mua chứng khoán hoặc cung cấp dịch vụ cho vay chứng khoán, cung cấp hoặc phối hợp với các tổ chức tín dụng cung cấp dịch vụ ứng trước tiền bán chứng khoán, lưu ký chứng khoán, bù trừ và thanh toán chứng khoán, các dịch vụ trên thị trường chứng khoán phái sinh khi được Ủy Ban Chứng khoán Nhà Nước chấp thuận; cung cấp các dịch vụ tài chính khác phù hợp với quy định của pháp luật sau khi báo cáo UBCK NN bằng văn bản. Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực khác được pháp luật cho phép và được Hội đồng quản trị phê chuẩn.
3. Công ty có thể bổ sung, rút bớt một hoặc một số nghiệp vụ kinh doanh nêu tại Khoản 1 Điều này sau khi được Hội đồng quản trị phê chuẩn và UBCK chấp thuận.

Điều 6. Nguyên tắc hoạt động:

1. Cơ quan quyết định cao nhất của Công ty là Đại hội đồng cổ đông; Đại hội đồng cổ đông bầu ra Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát của Công ty; Điều hành hoạt động Công ty là các thành viên Hội đồng quản trị điều hành và Tổng Giám đốc; Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm và bãi nhiệm; Giúp việc cho Tổng Giám đốc là các Phó Tổng Giám đốc.
2. Tuân thủ pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán và pháp luật có liên quan.
3. Thực hiện hoạt động kinh doanh công bằng, trung thực.
4. Ban hành quy trình nghiệp vụ, quy trình kiểm soát nội bộ và quy trình quản trị rủi ro, quy tắc đạo đức hành nghề phù hợp với nghiệp vụ kinh doanh của Công ty.
5. Đảm bảo nguồn lực về con người, vốn và cơ sở vật chất cần thiết để phục vụ cho hoạt động kinh doanh chứng khoán, tuân thủ quy định của pháp luật.
6. Tách biệt về văn phòng làm việc, nhân sự, hệ thống dữ liệu, báo cáo giữa các bộ phận nghiệp vụ để đảm bảo tránh xung đột lợi ích giữa Công ty với khách hàng, giữa khách hàng với nhau. Công ty phải công bố cho khách hàng biết trước về những xung đột lợi ích có thể phát sinh giữa Công ty, người hành nghề và khách hàng.
7. Bố trí người hành nghề chứng khoán phù hợp với nghiệp vụ hoạt động kinh doanh. Người hành nghề chứng khoán thực hiện nghiệp vụ tự doanh chứng khoán không được đồng thời thực hiện nghiệp vụ môi giới chứng khoán.
8. Dự báo giá hoặc khuyến nghị giao dịch liên quan đến một loại chứng khoán cụ thể trên các phương tiện truyền thông phải ghi rõ cơ sở phân tích và nguồn trích dẫn thông tin.

Điều 7. Quyền của Công ty

1. Có tất cả các quyền theo quy định của Luật Doanh nghiệp nếu các quyền đó không mâu thuẫn với quy định của Luật Chứng khoán.
2. Cung cấp dịch vụ về chứng khoán và các dịch vụ tài chính trong phạm vi pháp luật cho phép.
3. Thực hiện thu phí, lệ phí phù hợp với quy định của Bộ Tài chính.

Điều 8. Nghĩa vụ của Công ty

1. Nguyên tắc chung:

- a) Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
- b) Thiết lập hệ thống kiểm toán nội bộ, kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro và giám sát, ngăn ngừa những xung đột lợi ích trong nội bộ Công ty và trong giao dịch với người có liên quan;
- c) Tuân thủ các nguyên tắc về quản trị Công ty theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;
- d) Tuân thủ các quy định về an toàn tài chính theo quy định của Bộ Tài chính;
- e) Mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp cho nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán tại Công ty hoặc trích lập quỹ bảo vệ nhà đầu tư để bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư do sự cố kỹ thuật hoặc sơ suất của nhân viên;
- f) Lưu giữ đầy đủ các chứng từ và tài khoản phản ánh chi tiết, chính xác các giao dịch của khách hàng và của Công ty;
- g) Thực hiện việc bán hoặc cho khách hàng bán chứng khoán khi không sở hữu chứng khoán và cho khách hàng vay chứng khoán để bán theo quy định của Bộ Tài chính;
- h) Tuân thủ các quy định của Bộ Tài chính về thực hiện nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán;
- i) Thực hiện chế độ kế toán, kiểm toán, thống kê, nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật có liên quan;
- j) Thực hiện công bố thông tin, báo cáo và lưu trữ theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- k) Đóng góp quỹ hỗ trợ thanh toán theo quy định;
- l) Ưu tiên sử dụng lao động trong nước, bảo đảm quyền và lợi ích của người lao động theo quy định của Luật Lao động, tôn trọng quyền tổ chức và tham gia các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội theo quy định của pháp luật.

2. Nghĩa vụ đối với cổ đông:

- a) Phân định rõ trách nhiệm giữa Đại hội đồng cổ đông với Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị để quản lý phù hợp với quy định của pháp luật;
- b) Thiết lập hệ thống thông tin liên lạc với các cổ đông để đảm bảo cung cấp thông tin đầy đủ và đối xử công bằng giữa các cổ đông, đảm bảo các quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông;
- c) Không được thực hiện các hành vi sau:
 - i. Cam kết về thu nhập, lợi nhuận cho các cổ đông (trừ trường hợp đối với cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi cổ tức cố định);
 - ii. Nắm giữ bất hợp pháp các lợi ích, thu nhập từ cổ phần của các cổ đông;
 - iii. Cung cấp tài chính hoặc bảo lãnh cho các cổ đông một cách trực tiếp hoặc gián tiếp; cho vay dưới mọi hình thức đối với các cổ đông lớn, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm và người có liên quan của những đối tượng này;
 - iv. Tạo thu nhập cho cổ đông bằng cách mua lại cổ phiếu của các cổ đông dưới các hình thức không phù hợp với quy định của pháp luật;

- v. Xâm phạm đến các quyền của cổ đông như: quyền sở hữu, quyền chọn, quyền giao dịch công bằng, quyền được cung cấp thông tin, các quyền và lợi ích hợp pháp khác;

3. Nghĩa vụ đối với khách hàng:

- a) Không xâm phạm tài sản, quyền và lợi ích hợp pháp khác của khách hàng;
- b) Quản lý tách biệt tiền và chứng khoán của từng khách hàng, quản lý tách biệt tiền và chứng khoán của khách hàng với tiền và chứng khoán của Công ty. Mọi giao dịch bằng tiền của khách hàng phải được Công ty thực hiện qua ngân hàng. Không lạm dụng các tài sản do khách hàng ủy thác cho Công ty quản lý và tiền thanh toán giao dịch của khách hàng, chứng khoán của khách hàng lưu ký tại Công ty;
- c) Ký hợp đồng bằng văn bản với khách hàng khi cung cấp dịch vụ cho khách hàng; cung cấp đầy đủ, trung thực thông tin cho khách hàng khi thực hiện dịch vụ mà mình cung cấp;
- d) Chỉ đưa ra lời tư vấn phù hợp với khách hàng trên cơ sở nỗ lực thu thập thông tin về khách hàng: thu thập, tìm hiểu thông tin về tình hình tài chính, mục tiêu đầu tư, khả năng chấp nhận rủi ro, kỳ vọng lợi nhuận của khách hàng và cập nhật thông tin theo quy định của pháp luật. Bảo đảm các khuyến nghị, tư vấn đầu tư của Công ty cho khách hàng phải phù hợp với từng khách hàng;
- e) Chịu trách nhiệm về độ tin cậy của những thông tin công bố cho khách hàng. Đảm bảo rằng khách hàng đưa ra các quyết định đầu tư trên cơ sở đã được cung cấp thông tin đầy đủ, bao gồm cả nội dung và rủi ro của sản phẩm, dịch vụ cung cấp.
- f) Thận trọng, không tạo ra xung đột lợi ích với khách hàng. Trong trường hợp không thể tránh được, Công ty phải thông báo trước cho khách hàng và áp dụng các biện pháp cần thiết để đảm bảo đối xử công bằng với khách hàng;
- g) Ưu tiên thực hiện lệnh của khách hàng trước lệnh của Công ty;
- h) Thiết lập một bộ phận chuyên trách, chịu trách nhiệm thông tin liên lạc với khách hàng và giải quyết các thắc mắc, khiếu nại của khách hàng;
- i) Hoàn thành nghĩa vụ của mình với khách hàng một cách tốt nhất;
- j) Bảo mật thông tin của khách hàng:
 - i. Công ty có trách nhiệm bảo mật các thông tin liên quan đến sở hữu chứng khoán và tiền của khách hàng, từ chối việc điều tra, phong tỏa, cầm giữ, trích chuyển tài sản của khách hàng mà không có sự đồng ý của khách hàng;
 - ii. Quy định tại Điểm này không áp dụng trong các trường hợp sau đây:
 - Kiểm toán viên thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty;
 - Cung cấp thông tin theo yêu cầu của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

Điều 9. Các quy định về cấm và hạn chế

1. Quy định đối với Công ty:

- a) Không được đưa ra nhận định hoặc bảo đảm với khách hàng về mức thu nhập hoặc lợi nhuận đạt được trên khoản đầu tư của mình hoặc bảo đảm khách hàng không bị thua lỗ, ngoại trừ đầu tư vào chứng khoán có thu nhập cố định;
- b) Không được thỏa thuận hoặc đưa ra lãi suất cụ thể hoặc chia sẻ lợi nhuận/thua lỗ với khách hàng để lôi kéo khách hàng tham gia giao dịch;

- c) Không được trực tiếp hoặc gián tiếp thiết lập các địa điểm ngoài các địa điểm giao dịch đã được UBCK chấp thuận để ký hợp đồng, nhận lệnh, thực hiện lệnh giao dịch chứng khoán hoặc thanh toán giao dịch chứng khoán với khách hàng;
 - d) Không nhận lệnh, thanh toán giao dịch với người khác không phải là người đứng tên tài khoản giao dịch mà không có ủy quyền của khách hàng bằng văn bản;
 - e) Không sử dụng tên hoặc tài khoản của khách hàng để đăng ký, giao dịch chứng khoán;
 - f) Không chiếm dụng chứng khoán, tiền hoặc tạm giữ chứng khoán của khách hàng theo hình thức lưu ký dưới tên Công ty;
 - g) Không được tiết lộ thông tin về khách hàng trừ khi được khách hàng đồng ý hoặc theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền;
 - h) Không được thực hiện những hành vi làm cho khách hàng và nhà đầu tư hiểu nhầm về giá chứng khoán;
 - i) Hợp đồng mở tài khoản giao dịch chứng khoán không được chứa đựng những thoả thuận nhằm trốn tránh nghĩa vụ pháp lý của Công ty; hạn chế phạm vi bồi thường của Công ty hoặc chuyển rủi ro từ Công ty sang khách hàng; buộc khách hàng thực hiện nghĩa vụ bồi thường một cách không công bằng và các thoả thuận gây bất lợi một cách không công bằng cho khách hàng.
2. Quy định đối với người hành nghề chứng khoán:
- a) Trừ trường hợp được cử là người đại diện phần vốn góp hoặc được cử vào ban quản lý công ty của tổ chức sở hữu Công ty hoặc tổ chức mà Công ty đầu tư, người hành nghề chứng khoán không được:
 - i. Đồng thời làm việc cho tổ chức khác có quan hệ sở hữu với Công ty;
 - ii. Đồng thời làm việc cho công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ khác;
 - iii. Đồng thời làm Giám đốc (Tổng Giám đốc) của một tổ chức chào bán chứng khoán ra công chúng hoặc tổ chức niêm yết;
 - b) Chỉ được mở tài khoản giao dịch chứng khoán cho mình (nếu có) tại Công ty. Quy định này không áp dụng đối với trường hợp khi Công ty không phải là thành viên của Sở giao dịch chứng khoán;
 - c) Khi thực hiện các nghiệp vụ của Công ty, người hành nghề chứng khoán là người thay mặt cho Công ty để thực hiện các giao dịch với khách hàng và Công ty phải chịu trách nhiệm về mọi hoạt động của người hành nghề chứng khoán. Không được sử dụng tiền, chứng khoán trên tài khoản của khách hàng khi không được Công ty ủy quyền theo sự ủy thác của khách hàng cho Công ty bằng văn bản.
3. Quy định đối với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc:
- a) Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty không được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc của công ty chứng khoán khác;
 - b) Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc không được đồng thời làm việc cho công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ hoặc doanh nghiệp khác. Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc không được là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên của công ty chứng khoán khác.

IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN

Điều 10. Vốn điều lệ, cổ phần

1. Vốn điều lệ của Công ty là 802.500.000.000 đồng (Tám trăm linh hai tỷ, năm trăm triệu đồng).
2. Các loại cổ phần:
 - a) Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 80.250.000 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.
 - b) Các loại cổ phần của Công ty:
 - Cổ phần phổ thông: 80.250.000 cổ phần;
 - Cổ phần ưu đãi cổ tức: 0 cổ phần;
 - Cổ phần ưu đãi hoàn lại: 0 cổ phần;
 - Cổ phần ưu đãi khác: 0 cổ phần.
3. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.
4. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này bao gồm cổ phần phổ thông và cổ phần ưu đãi (nếu có). Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ từng loại cổ phần được quy định tại Điều 17, Điều 18 Điều lệ này.
5. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.
6. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác. Công ty phải thông báo việc chào bán cổ phần, trong thông báo phải nêu rõ số cổ phần được chào bán và thời hạn đăng ký mua phù hợp (tối thiểu hai mươi (20) ngày làm việc) để cổ đông có thể đăng ký mua. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho cổ đông và người khác với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác hoặc trong trường hợp cổ phần được bán qua Sở Giao dịch Chứng khoán.
7. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành.
8. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
9. Đặc điểm của các loại cổ phần:
 - a) Cổ phần phổ thông: Công ty cổ phần phải có cổ phần phổ thông. Người sở hữu cổ phần phổ thông là cổ đông phổ thông. Mỗi cổ phần phổ thông có một (01) phiếu biểu quyết;
 - b) Cổ phần ưu đãi cổ tức: Là cổ phần được trả cổ tức với mức cao hơn so với mức cổ tức của cổ phần phổ thông hoặc mức ổn định hàng năm. Cổ tức được trả hàng năm gồm cổ tức cố định và cổ tức thưởng. Cổ tức cố định không phụ thuộc vào kết quả kinh doanh của Công ty. Mức cổ tức cố định cụ thể và phương thức xác định cổ tức thưởng được ghi trên cổ phiếu của cổ phần ưu đãi cổ tức;

- c) Cổ phần ưu đãi hoàn lại: là cổ phần được Công ty hoàn lại vốn góp theo yêu cầu của người sở hữu hoặc theo các điều kiện được ghi tại cổ phiếu của cổ phần ưu đãi hoàn lại.
- d) Cổ phần ưu đãi khác: theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Điều 11. Sổ đăng ký cổ đông

1. Công ty phải lập và lưu giữ sổ đăng ký cổ đông ngay khi được cấp Giấy phép thành lập và hoạt động.
2. Sổ đăng ký cổ đông phải có các nội dung chủ yếu theo quy định của Luật Doanh nghiệp.
3. Hình thức của sổ đăng ký cổ đông: Văn bản, tệp dữ liệu điện tử hoặc cả hai loại này.
4. Sổ đăng ký cổ đông được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty hoặc tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam.
5. Người đại diện theo pháp luật chịu trách nhiệm trong việc xác nhận đăng ký cổ phần cho cổ đông một cách đầy đủ, kịp thời. Đồng thời, chịu trách nhiệm lưu giữ sổ đăng ký và đảm bảo tính chính xác của sổ đăng ký, tránh mọi tổn hại gây ra cho cổ đông hoặc bên thứ ba do nghĩa vụ nói trên không được thực hiện.

Điều 12. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp Chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.
2. Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của tổ chức phát hành. Cổ phiếu phải có dấu của Công ty và chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Công ty, phải ghi rõ số lượng và loại cổ phiếu mà cổ đông nắm giữ, họ và tên người nắm giữ và các thông tin khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Mỗi chứng chỉ cổ phiếu ghi danh chỉ đại diện cho một loại cổ phần. Trường hợp có sai sót trong nội dung và hình thức cổ phiếu do Công ty phát hành thì quyền và lợi ích của người sở hữu nó không bị ảnh hưởng. Người đại diện theo pháp luật của Công ty chịu trách nhiệm về thiệt hại do những sai sót đó gây ra.
3. Trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định), người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu hoặc bất kỳ khoản chi phí nào khi mua cổ phiếu mới được phát hành.
4. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng dưới hình thức khác thì cổ đông có thể đề nghị Công ty cấp lại cổ phiếu đó và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty. Đề nghị của cổ đông phải có các nội dung sau đây:
 - a) Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác; trường hợp bị mất thì phải cam đoan rằng đã tiến hành tìm kiếm hết mức và nếu tìm lại được sẽ đem trả Công ty để tiêu hủy
 - b) Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.
5. Đối với cổ phiếu có tổng mệnh giá trên mười triệu đồng, trước khi tiếp nhận đề nghị cấp cổ phiếu mới, người đại diện theo pháp luật của Công ty có thể yêu cầu chủ sở hữu cổ phiếu

đăng thông báo về việc cổ phiếu bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng dưới hình thức khác và sau mười lăm (15) ngày, kể từ ngày đăng thông báo sẽ đề nghị Công ty cấp cổ phiếu mới

Điều 13. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty (trừ các thư chào bán, các chứng chỉ tạm thời và các tài liệu tương tự) được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty, trừ trường hợp mà các điều khoản và điều kiện phát hành có quy định khác.

Điều 14. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ các trường hợp bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của Luật Doanh nghiệp, quy định tại Điều lệ này hoặc này hoặc theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông khi thông qua phương án phát hành. Cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
2. Giao dịch làm thay đổi quyền sở hữu cổ phần hoặc chiếm từ 10% trở lên Vốn Điều lệ đã góp, giao dịch dẫn tới tỷ lệ sở hữu của cổ đông vượt qua hoặc xuống dưới các mức sở hữu 10%, 25%, 50%, 75% Vốn Điều lệ đã góp của Công ty phải được UBCK chấp thuận, trừ trường hợp cổ phiếu của Công ty được niêm yết, đăng ký giao dịch tại Sở Giao dịch chứng khoán hoặc chuyển nhượng theo quyết định của Tòa án
3. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và không được hưởng các quyền lợi liên quan đến cổ phiếu này, bao gồm cả quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

Điều 15. Thu hồi cổ phần và mua lại cổ phần

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Công ty theo quy định.
2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là 07 ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.
3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.
4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại khoản 3 Điều 112 Luật Doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.
5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải phải chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.

6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo
7. Công ty chỉ được quyền mua lại cổ phần do chính Công ty đã phát hành (kể cả cổ phần ưu đãi hoàn lại) theo cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện và tỷ lệ mua lại theo quy định của pháp luật. Cổ phần phổ thông do Công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với quy định của Điều lệ này và Luật Chứng khoán và văn bản hướng dẫn liên quan
8. Các trường hợp mua lại cổ phần
 - a) Mua lại theo yêu cầu của cổ đông:

Cổ đông có quyền yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của mình nếu cổ đông đó bỏ phiếu không tán thành đối với quyết định của Đại hội đồng cổ đông về việc: Tổ chức lại Công ty; sửa đổi, bổ sung các nội dung trong Điều lệ công ty liên quan đến quyền và nghĩa vụ của cổ đông. Yêu cầu mua lại cổ phần phải được lập bằng văn bản và gửi đến Công ty trong thời hạn mười (10) ngày, kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định về các vấn đề nêu trên.
 - b) Mua lại theo quyết định của Công ty:

Công ty có thể mua lại cổ phần phổ thông, cổ phần ưu đãi cổ tức đã bán. Tỷ lệ, cách thức, thủ tục mua lại cổ phần thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 16. Cách thức tăng giảm vốn Điều lệ

1. Sau khi chính thức đi vào hoạt động, Công ty có thể tăng, giảm Vốn Điều lệ theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông nếu đáp ứng quy định của pháp luật hiện hành.
2. Cách thức tăng Vốn Điều lệ của Công ty:
 - a) Phát hành cổ phần để huy động vốn theo quy định của pháp luật;
 - b) Kết chuyển lợi nhuận để lại, các nguồn vốn hợp lệ khác theo quy định của pháp luật;
 - c) Chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi thành cổ phần;
 - d) Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức, phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu;
 - e) Chuyển nợ thành vốn góp theo thỏa thuận giữa công ty và chủ nợ;
 - f) Cách thức khác theo quy định của pháp luật.
3. Việc giảm Vốn Điều lệ Đại hội đồng cổ đông quyết định nhưng vẫn phải đảm bảo điều kiện về vốn pháp định sau khi giảm vốn theo quy định hiện hành.

V. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CỔ ĐÔNG

Điều 17. Quyền của cổ đông Công ty

1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:

- a) Tham dự, phát biểu trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty, pháp luật quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;
 - b) Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - c) Ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty;
 - d) Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120, khoản 1 Điều 127 Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan;
 - e) Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;
 - f) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
 - g) Khi Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty;
 - h) Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp;
 - i) Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;
 - j) Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;
 - k) Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
 - l) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:
- a) Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp;
 - b) Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;
 - c) Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần

của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

- d) Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;
 - e) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
3. Ứng cử, đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát theo quy định tại Điều 32 và Điều 43 Điều lệ này. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện như sau:
- a) Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;
 - b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị đương nhiệm, Ban kiểm soát đương nhiệm và các cổ đông khác đề cử theo một cơ chế khác. Cơ chế đề cử này phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử
4. Quyền của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi cổ tức:
- a) Nhận cổ tức theo quy định tại Điều lệ này;
 - b) Nhận phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty, sau khi Công ty đã thanh toán hết các khoản nợ, cổ phần ưu đãi hoàn lại khi Công ty giải thể hoặc phá sản;
 - c) Các quyền khác như cổ đông phổ thông, trừ quyền biểu quyết, quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông và quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị.
5. Quyền của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi hoàn lại:
- a) Được Công ty hoàn lại vốn góp theo quy định tại Điều lệ này;
 - b) Các quyền khác như cổ đông phổ thông, trừ quyền biểu quyết, quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông và quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị.
6. Quyền của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi khác thực hiện theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 18. Nghĩa vụ của cổ đông Công ty

Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:

1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.
2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.

3. Tuân thủ Điều lệ công ty và Quy chế quản lý nội bộ của Công ty.
4. Chấp hành Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.
5. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.
6. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:
 - a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b) Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
 - c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.
7. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
 - a) Vi phạm pháp luật;
 - b) Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - c) Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty.
8. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 19. Người đại diện theo ủy quyền của cổ đông

1. Người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là người được ủy quyền bằng văn bản nhân danh cổ đông đó thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
2. Việc cử người đại diện theo ủy quyền thực hiện theo quy định sau đây:
 - a) Tổ chức là thành viên công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên có sở hữu ít nhất 35% vốn điều lệ có thể ủy quyền tối đa ba (03) người đại diện;
 - b) Tổ chức là cổ đông công ty cổ phần có sở hữu ít nhất 10% tổng số cổ phần phổ thông có thể ủy quyền tối đa ba (03) người đại diện.
3. Trường hợp cổ đông là tổ chức cử nhiều người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần cho mỗi người đại diện. Trường hợp cổ đông không xác định số cổ phần tương ứng cho mỗi người đại diện theo ủy quyền thì số cổ phần sẽ được chia đều cho số lượng người đại diện theo ủy quyền.
4. Việc chỉ định, chấm dứt hoặc thay đổi người đại diện theo ủy quyền phải thông báo cho Công ty bằng văn bản và chỉ có hiệu lực đối với Công ty kể từ ngày Công ty nhận được thông báo. Văn bản ủy quyền phải có các nội dung chủ yếu theo Khoản 4 Điều 14 của Luật Doanh nghiệp.
5. Trách nhiệm của người đại diện theo ủy quyền:
 - a) Người đại diện theo ủy quyền nhân danh cổ đông thực hiện các quyền và nghĩa vụ của cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật. Mọi hạn chế của cổ đông đối với người đại diện theo ủy quyền trong việc thực hiện các quyền, nghĩa vụ của cổ đông tương ứng tại Đại hội đồng cổ đông đều không có hiệu lực đối với bên thứ ba;

- b) Người đại diện theo ủy quyền có trách nhiệm tham dự đầy đủ cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông; thực hiện các quyền và nghĩa vụ được ủy quyền một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất, bảo vệ lợi ích hợp pháp của cổ đông ủy quyền;
- c) Người đại diện theo ủy quyền chịu trách nhiệm trước cổ đông ủy quyền do vi phạm các nghĩa vụ quy định tại Điều này. Cổ đông ủy quyền chịu trách nhiệm trước bên thứ ba đối với trách nhiệm phát sinh liên quan đến quyền và nghĩa vụ được thực hiện thông qua người đại diện theo ủy quyền.

VI. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 20. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

- 1. Đại hội đồng cổ đông;
- 2. Hội đồng quản trị;
- 3. Ban kiểm soát;
- 4. Ban Tổng Giám đốc.

Điều 21. Đại hội đồng cổ đông

- 1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty.
- 2. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác, Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
- 3. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.
- 4. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.
- 5. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:
 - a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
 - b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
 - c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;

- d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;
 - e) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
6. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường
- a) Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại như quy định tại điểm b khoản 5 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 5 Điều này;
 - b) Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 6 Điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp;
 - c) Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm c khoản 5 Điều này có quyền yêu cầu đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp; Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.
 - d) Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

Điều 22. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:
 - a) Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
 - b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;
 - c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
 - d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
 - e) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;
 - f) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
 - g) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
 - h) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;
 - i) Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;
 - j) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - k) Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

- l) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;
 - m) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.
2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:
- a) Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
 - b) Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;
 - c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
 - d) Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc;
 - e) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;
 - f) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
 - g) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - h) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
 - i) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - j) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết;
 - k) Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty;
 - l) Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng 03 năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;
 - m) Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
 - n) Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;
 - o) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
 - p) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
 - q) Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;
 - r) Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
 - s) Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;
 - t) Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
3. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 23. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.
2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền hoặc ủy quyền theo mẫu của Công ty thì phải có chữ ký theo quy định sau đây:
 - a) Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì phải có chữ ký của cổ đông đó và người được ủy quyền dự họp;
 - b) Trường hợp người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức là người ủy quyền thì phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp;
 - c) Trong trường hợp khác thì phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.
3. Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).
4. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây trừ trường hợp:
 - a) Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
 - b) Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;
 - c) Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên 24 (hai mươi bốn) giờ trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 24. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.
2. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu 02 cổ đông (hoặc đại diện theo ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu 1/3 giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong thời hạn 30 ngày

tiếp theo và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 26, 27 và 28 Điều lệ này.
4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 25. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại khoản 5 Điều 21 Điều lệ này.
2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:
 - a) Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;
 - b) Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;
 - c) Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;
 - d) Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;
 - e) Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;
 - f) Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;
 - g) Các công việc khác phục vụ đại hội.
3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:
 - a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;

- b) Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
 - c) Phiếu biểu quyết;
 - d) Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.
4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 17 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.
 5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:
 - a) Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 4 Điều này;
 - b) Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 2 Điều 17 Điều lệ này;
 - c) Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
 6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 26. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.
2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.
3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

Điều 27. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp sau đây:
 - a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b) Ủy quyền cho một người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
 - c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử.

2. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:
 - a) Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Tại Đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hoặc không tán thành để quyết định. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp;
 - b) Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.
3. Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:
 - a) Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;
 - b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;
 - c) Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;
 - d) Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.
4. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.
5. Chủ tọa đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.
 - a) Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
 - b) Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;

- c) Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.
6. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.
7. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.
8. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:
- Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;
 - Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
9. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:
- Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;
 - Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;
 - Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.
10. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.
11. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 28. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 2, 3 Điều này và khoản 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:
- Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
 - Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
 - Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;

- d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
 - e) Tổ chức lại, giải thể Công ty.
2. Việc bầu cử thành viên Hội đồng quản trị được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu theo quy định tại Khoản 3 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.
 3. Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành.
 4. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1, 2, 3 Điều này và khoản 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.
 5. Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
 6. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày thông qua; trường hợp công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty.

Điều 29. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông có thể thông qua tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền của mình theo thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.
2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 25 Điều lệ này.
3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b) Mục đích lấy ý kiến;
 - c) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
 - d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
 - e) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;
 - f) Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

- g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.
4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:
- Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;
 - Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;
 - Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.
5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
- Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
 - Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
 - Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
 - Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
 - Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.
- Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.
6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.
7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.



Điều 30. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
 - c) Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
 - d) Họ, tên chủ tọa và thư ký;
 - e) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
 - f) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
 - g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
 - h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
 - i) Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.
2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.
3. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.
4. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực kể từ ngày được thông qua hoặc từ thời điểm hiệu lực ghi tại nghị quyết đó.
5. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 31. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

1. Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

- a) Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều 28 Điều lệ này;
 - b) Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.
2. Trường hợp có cổ đông hoặc nhóm cổ đông yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông như quy định tại Khoản 1 Điều này, thì các nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi Tòa án, Trọng tài có quyết định khác, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 32. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:
 - c) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
 - d) Trình độ chuyên môn;
 - e) Quá trình công tác;
 - f) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
 - g) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
 - h) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;
 - i) Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).
2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần phổ thông có quyền đề cử 01 (một) người vào Hội đồng quản trị; Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 20% đến dưới 30% tổng số cổ phần phổ thông có quyền đề cử 02 (hai) người vào Hội đồng quản trị; Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 30% đến dưới 50% tổng số cổ phần phổ thông có quyền đề cử 03 (ba) người vào Hội đồng quản trị; Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 50% đến dưới 65% tổng số cổ phần phổ thông có quyền đề cử 04 (bốn) người vào Hội đồng quản trị; Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 65% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử số lượng người vào đủ số thành viên Hội đồng quản trị.
3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

4. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

Điều 33. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị từ 05 đến 11 người.
2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:

Cơ cấu Hội đồng quản trị của công ty đại chúng phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.

Tổng số thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải đảm bảo quy định sau:

- a) Có tối thiểu 01 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 03 đến 05 thành viên;
 - b) Có tối thiểu 02 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 06 đến 08 thành viên;
 - c) Có tối thiểu 03 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 09 đến 11 thành viên.
4. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế:
 - a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 của Luật Doanh nghiệp;
 - b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
 - c) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.
 - d) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - e) Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài các trường hợp nêu trên.
 5. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
 - a) Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;
 - b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.
 6. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.
 7. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là cổ đông của Công.

Điều 34. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty. Mọi hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự quản lý hoặc chỉ đạo thực hiện của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:
 - a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
 - b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
 - c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
 - d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;
 - e) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;
 - f) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
 - g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
 - h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty trừ hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;
 - i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị và Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;
 - j) Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;
 - k) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
 - l) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;
 - m) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;
 - n) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
 - o) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;
 - p) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế hoạt động

của Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị, Quy chế về công bố thông tin của công ty;

- q) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty.
3. Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho Chủ tịch Hội đồng quản trị thực hiện một phần quyền hạn và chức năng của Hội đồng quản trị trong thời gian Hội đồng quản trị không tổ chức cuộc họp. Nội dung ủy quyền phải được xác định rõ ràng, cụ thể. Đối với những vấn đề trọng yếu, liên quan đến lợi ích sống còn của Công ty thì không được ủy quyền cho Chủ tịch hội đồng quản trị quyết định.
4. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 35. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.
2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.
3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.
4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành bao gồm cả chức vụ Chủ tịch và Phó Chủ tịch hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.
5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.
6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 36. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng Giám đốc.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
 - b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
 - c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - e) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
 - f) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.
5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho Phó Chủ tịch hoặc một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

Điều 37. Phó Chủ tịch thường trực Hội đồng quản trị

1. Phó Chủ tịch thường trực Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị ủy quyền cho Phó Chủ tịch thường trực thực hiện các công việc của Chủ tịch Hội đồng quản trị:
 - a) Thực hiện các công việc thường trực:
 - i. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp;
 - ii. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - iii. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
 - b) Thực hiện các công việc theo ủy quyền bằng văn bản khi Chủ tịch hội đồng quản trị vắng mặt:
 - i. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
 - ii. Triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
 - iii. Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - iv. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 38. Cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.
2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
 - a) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
 - b) Có đề nghị của Tổng Giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
 - c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;
 - d) Các trường hợp khác (nếu có).
4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.
5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.
6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.
Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.
7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị. Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.
8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.
9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:
 - a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;

- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.
10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.
11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.
12. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Điều 39. Người phụ trách quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.
2. Người phụ trách quản trị công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.
3. Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau:
 - a) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;
 - b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
 - c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
 - d) Tham dự các cuộc họp;
 - e) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
 - f) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;
 - g) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;
 - h) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;
 - i) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;
 - j) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 40. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty. Công ty có Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các Giám đốc chi nhánh công ty do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi

nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Điều 41. Người điều hành Công ty

1. Người điều hành Công ty bao gồm Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng.
2. Theo đề nghị của Tổng Giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành Công ty phải có trách nhiệm để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.
3. Tổng Giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.
4. Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 42. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm 01 thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Tổng Giám đốc.
2. Tổng Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.
3. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng Giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.
4. Tổng Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:
 - a) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
 - b) Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;
 - d) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
 - e) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
 - f) Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng Giám đốc;
 - g) Tuyển dụng lao động;
 - h) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
 - i) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.
5. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng Giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng Giám đốc mới thay thế.

IX. BAN KIỂM SOÁT HOẶC ỦY BAN KIỂM TOÁN TRỰC THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 43. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên)

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Ban kiểm soát, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Ban kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Ban kiểm soát. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Ban kiểm soát được công bố bao gồm:
 - a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
 - b) Trình độ chuyên môn;
 - c) Quá trình công tác;
 - d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Ban kiểm soát của công ty khác);
 - e) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
 - f) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;
 - g) Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Ban kiểm soát, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Ban kiểm soát (nếu có).
2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần phổ thông có quyền đề cử 01 (một) người vào Ban kiểm soát; Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 20% đến dưới 30% tổng số cổ phần phổ thông có quyền đề cử 02 (hai) người vào Ban kiểm soát; Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 30% đến dưới 50% tổng số cổ phần phổ thông có quyền đề cử 03 (ba) người vào Ban kiểm soát; Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 50% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử số lượng người vào đủ số thành viên Ban kiểm soát.
3. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 44. Thành phần Ban Kiểm soát

1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là từ 03 đến 05 người. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
2. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp và không thuộc các trường hợp sau:
 - a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
 - b) Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó.
3. Thành viên Ban Kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

- a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại khoản 2 Điều này;
 - b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
4. Thành viên Ban kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:
- a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
 - b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
 - d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 45. Trưởng Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.
2. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát:
 - a) Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;
 - b) Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;
 - c) Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

Điều 46. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:

1. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.
2. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.
3. Giám sát tình hình tài chính của Công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác.
4. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cổ đông.
5. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
6. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

7. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.
8. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.
9. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty.
10. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 47. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất 02 lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số thành viên Ban kiểm soát. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.
2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 48. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.
2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.
3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty.

Điều 49. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và người quản lý khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.
3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.
4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
5. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.
6. Giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây:
 - a) Đối với giao dịch có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;
 - b) Đối với giao dịch có giá trị lớn hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.

Điều 50. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.
2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc đại diện được Công ty ủy quyền đã hoặc đang thực hiện nhiệm vụ theo ủy quyền của Công ty, hành

động trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm trách nhiệm của mình.

- Chi phí bồi thường bao gồm chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế (kể cả phí thuê luật sư) khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 51. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ

- Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:
 - Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
 - Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.
- Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.
- Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và người điều hành khác có quyền tra cứu sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông, sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.
- Công ty phải lưu giữ Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.
- Điều lệ công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 52. Công nhân viên và công đoàn

- Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp.
- Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách

quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 53. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.
2. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.
3. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.
4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.
5. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.
6. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 54. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.
2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.
3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 55. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 hằng năm và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hằng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm đầu tiên.

Điều 56. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành, chấp thuận.
2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.
3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

XV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 57. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý

1. Công ty phải lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty.
3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 58. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 59. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị.
2. Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.
3. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty được tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

100
ÔNG T
: Ô PHẢ
ING KH
IẬT VI
T.P HỒ

XVII. DẤU CỦA DOANH NGHIỆP

Điều 60. Dấu của doanh nghiệp

1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.
2. Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty (nếu có).
3. Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc sử dụng và quản lý dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

XVIII. GIẢI THỂ CÔNG TY

Điều 61. Giải thể công ty

1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:
 - a) Kết thúc thời hạn hoạt động đã ghi trong Điều lệ công ty mà không có quyết định gia hạn;
 - b) Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - c) Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác;
 - d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 62. Gia hạn hoạt động

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất 07 tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị.
2. Thời hạn hoạt động được gia hạn khi có số cổ đông đại diện từ 65% trở lên tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông tán thành.

Điều 63. Thanh lý

1. Tối thiểu 06 tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm 03 thành viên, trong đó 02 thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và 01 thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ 01 công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.
2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.
3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:
 - a) Các chi phí thanh lý;

- b) Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;
- c) Nợ thuế;
- d) Các khoản nợ khác của Công ty;
- e) Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 64. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty, các quy định pháp luật khác hoặc thỏa thuận giữa:
 - a) Cổ đông với Công ty;
 - b) Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc hay người điều hành khác;Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hòa giải. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng 07 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu Chủ tịch hội đồng quản trị chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hòa giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.
2. Trường hợp không đạt được quyết định hòa giải trong vòng 06 tuần từ khi bắt đầu quá trình hòa giải hoặc nếu quyết định của trung gian hòa giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài hoặc Tòa án.
3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hòa giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 65. Điều lệ công ty

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.
2. Trường hợp pháp luật có quy định liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trường hợp có quy định pháp luật mới khác với điều khoản trong Điều lệ này thì áp dụng những quy định đó để điều chỉnh hoạt động của Công ty.


XXI. NGÀY HIỆU LỰC

Điều 66. Ngày hiệu lực

1. Bản điều lệ này gồm 21 mục, 66 điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Chứng khoán Nhất Việt nhất tri thông qua ngày 09 tháng 04 năm 2022 tại trụ sở Công ty và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.
2. Điều lệ được lập thành 03 bản, có giá trị như nhau và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.

4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ công ty có giá trị khi có chữ ký của Người đại diện theo pháp luật hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu 1/2 tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT



Đạt

TRẦN ANH THẮNG

Số: 10/2022/TTr-HĐQT-VFS

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 03 năm 2022

TỜ TRÌNH

(V/v niêm yết cổ phiếu của Công ty)

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022
Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhất Việt

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 do Quốc hội khóa 14 nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 do Quốc hội khóa 14 nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhất Việt.

Cổ phiếu Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhất Việt (mã chứng khoán: VFS) hiện giao dịch trên sàn UPCoM với số lượng cổ phiếu là 80.250.000 cổ phiếu, tương đương vốn điều lệ là 802.500.000.000 đồng.

Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (“HNX”) và Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (“HOSE”) được biết đến với quy mô thị trường, số lượng chứng khoán niêm yết, khối lượng giao dịch lớn và tính thanh khoản cao; giúp nâng cao hình ảnh Công ty và thu hút các nhà đầu tư lớn. Chính vì vậy, nhằm quảng bá thương hiệu Công ty trên thị trường, nâng cao tính thanh khoản của cổ phiếu VFS, tối đa hóa lợi ích cho cổ đông và thu hút các nhà đầu tư, Hội đồng quản trị nhận thấy việc niêm yết cổ phiếu VFS tại HNX/HOSE là cần thiết

Do đó, Hội đồng quản trị xin kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua việc niêm yết cổ phiếu VFS tại HNX/HOSE trong năm 2022, cụ thể như sau:

1. Nội dung niêm yết cổ phiếu

Hủy đăng ký giao dịch cổ phiếu VFS tại UPCoM và đăng ký niêm yết cổ phiếu VFS. Thông tin về cổ phiếu niêm yết như sau:

Tên cổ phiếu	: Cổ phiếu Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhất Việt
Mã chứng khoán	: VFS
Loại chứng khoán	: Cổ phiếu phổ thông
Số lượng cổ phiếu niêm yết	: Toàn bộ số lượng cổ phiếu đang lưu hành của

Công ty tại thời điểm đăng ký niêm yết
Mệnh giá : 10.000 đồng/cổ phiếu (*Bằng chữ: Mười nghìn đồng/cổ phiếu*)

Thời gian thực hiện dự kiến : Năm 2022

2. Ủy quyền cho Hội đồng quản trị

- Lựa chọn Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội /Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh để tiến hành niêm yết cổ phiếu phù hợp với các điều kiện niêm yết mà Công ty đáp ứng;
- Xây dựng phương án, hồ sơ, thủ tục pháp lý cần thiết và xem xét, quyết định thời điểm niêm yết cụ thể, phù hợp với tình hình thực tế thị trường chứng khoán cũng như điều kiện của Công ty; và
- Thực hiện các thủ tục cần thiết, phù hợp với yêu cầu của Sở giao dịch Chứng khoán, Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam và các quy định của pháp luật hiện hành liên quan đến việc chuyển sàn và đăng ký niêm yết của VFS.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Hội đồng quản trị;
- Ban Kiểm soát;
- Lưu: VT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



NGUYỄN THẾ ANH

Số: 11/2022/TTr-HĐQT-VFS

TP. Hồ Chí Minh, 18 ngày 03 tháng năm 2022

TỜ TRÌNH

(Thông qua phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ trong năm 2022)

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022
Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhất Việt

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư số 118/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về chào bán, phát hành chứng khoán, chào mua công khai, mua lại cổ phiếu, đăng ký công ty đại chúng và hủy tư cách công ty đại chúng;
- Căn cứ Thông tư số 121/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính quy định về hoạt động của công ty chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhất Việt.

Trong năm 2021, thị trường chứng khoán Việt Nam đã chứng kiến sự tăng trưởng mạnh mẽ cả về số lượng các Công ty lên sàn cũng như số lượng nhà đầu tư mới, do đó đã mở ra nhiều cơ hội phát triển cho các Công ty chứng khoán nói chung và Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhất Việt nói riêng. Hướng tới mục tiêu nắm bắt các cơ hội tăng trưởng, đồng thời nâng cao năng lực cạnh tranh với các doanh nghiệp cùng ngành, Hội đồng quản trị nhận thấy việc tăng nguồn lực vốn để đáp ứng các yêu cầu nêu trên của Công ty là nhu cầu tất yếu. Trên cơ sở đó, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhất Việt kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua Phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ trong năm 2022 của Công ty. (Phương án chi tiết đính kèm)

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Hội đồng Quản trị;
- Ban kiểm soát;
- Lưu: VT.



NGUYỄN THẾ ANH



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NHẤT VIỆT

Địa chỉ: Lầu 1, 117 - 119 - 121 Nguyễn Du, Phường Bến Thành, Quận I,
TP. Hồ Chí Minh

Số điện thoại: (028) 6255 6586

Số fax: (028) 6255 6580

Website: www.vfs.com.vn

PHƯƠNG AN

**PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU TẶNG VỐN ĐIỀU LỆ NĂM 2022
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NHẤT VIỆT**



Tp. Hồ Chí Minh, tháng 04 năm 2022

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ CHO VIỆC PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020.
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019.
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.
- Thông tư số 118/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về chào bán, phát hành chứng khoán, chào mua công khai, mua lại cổ phiếu, đăng ký công ty đại chúng và hủy tư cách công ty đại chúng.
- Thông tư số 121/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính quy định về hoạt động của công ty chứng khoán.
- Điều lệ của Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhất Việt.

II. PHƯƠNG ÁN PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU

1. Thông tin về đợt phát hành

- Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhất Việt
- Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông
- Mệnh giá: 10.000 (Mười nghìn) đồng/cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu chào bán: 220.350.000 cổ phiếu
- Tổng giá trị chào bán theo mệnh giá: 2.203.500.000.000 đồng
- Vốn điều lệ dự kiến sau khi chào bán: 3.006.000.000.000 đồng
- Thời gian dự kiến chào bán: Sau khi thực hiện xong các thủ tục nội bộ theo quy định của pháp luật, được ĐHĐCĐ thông qua và việc chào bán cổ phiếu sẽ được tiến hành ngay sau khi nhận được sự chấp thuận của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

2. Phương thức phát hành

a. Chào bán cổ phiếu ra công chúng

- Loại cổ phiếu chào bán: Cổ phiếu phổ thông
- Số lượng cổ phiếu chào bán: 80.250.000 cổ phiếu
- Tổng giá trị chào bán theo mệnh giá: 802.500.000.000 đồng

- Hình thức phát hành: Phát hành thêm cổ phiếu ra công chúng theo phương thức thực hiện quyền mua đối với cổ đông hiện hữu.
- Đối tượng phát hành: Phát hành cho các cổ đông hiện hữu của VFS có tên trong danh sách cổ đông tại ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền mua cổ phiếu.
- Nguyên tắc xác định giá chào bán: Dựa vào giá trị sổ sách cổ phiếu của Công ty tại Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2021 là 11.728 đồng/cổ phiếu.
Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng/cổ phiếu.
Để đảm bảo đợt phát hành thành công, chào bán được toàn bộ số cổ phần dự kiến, HĐQT đề xuất mức giá phát hành là 10.000 đồng/cổ phiếu.
- Giá chào bán: **10.000** (Mười nghìn) đồng/cổ phiếu
- Tỷ lệ thực hiện quyền: Tỷ lệ 1:1 (tại ngày chốt danh sách cổ đông thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm): Cụ thể mỗi cổ đông sở hữu 01 (một) cổ phiếu sẽ nhận được 01 (một) quyền mua, cứ 01 (một) quyền mua sẽ được mua thêm 1 (một) cổ phiếu mới.
- Xử lý cổ phiếu lẻ phát sinh, số lượng cổ phiếu không chào bán hết (nếu có): Do tỷ lệ thực hiện quyền là 1:1 nên sẽ không có cổ phiếu lẻ phát sinh.
Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị phân phối tiếp cho các đối tượng khác toàn bộ số cổ phiếu do cổ đông không thực hiện quyền mua hoặc thực hiện quyền mua không hết (nếu có) với giá chào bán là 10.000 đồng/cổ phiếu trong thời hạn Giấy phép chào bán cho phép. Số cổ phiếu do cổ đông không thực hiện quyền mua hoặc thực hiện quyền mua không hết (nếu có) được phân phối tiếp sẽ bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 01 (một) năm kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán.
- Điều kiện chuyển nhượng: Toàn bộ số cổ phiếu chào bán cho Cổ đông hiện hữu là cổ phiếu tự do chuyển nhượng.
- Phương thức phân phối: Theo phương thức thực hiện quyền mua đối với cổ đông hiện hữu.
- Chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu phát hành thêm: Cổ đông sở hữu quyền mua chỉ được chuyển nhượng quyền mua một lần, người nhận chuyển nhượng quyền mua không được chuyển nhượng tiếp cho bên thứ ba.
- Thời hạn đăng ký mua: Tối thiểu 20 (Hai mươi) ngày kể từ ngày được phép thực hiện quyền tại VFS hoặc chuyển nhượng quyền mua theo thời gian đã công bố.

- Thời gian chào bán dự kiến: Thời gian chào bán dự kiến trong năm 2022, sau khi được UBCKNN chấp thuận.
- Phương thức thanh toán:
 - Đối với cổ đông đã lưu ký: Cổ đông làm thủ tục chuyển nhượng quyền mua, đăng ký mua và nộp tiền mua cổ phiếu tại các Thành viên lưu ký nơi mở tài khoản lưu ký. Sau thời hạn quy định, các quyền mua chưa đăng ký thực hiện hết hiệu lực.
 - Đối với cổ đông chưa lưu ký: Cổ đông làm thủ tục chuyển nhượng quyền mua, đăng ký mua tại Trụ sở, Chi nhánh Công ty và nộp tiền mua cổ phiếu trực tiếp tại Công ty hoặc nộp tiền vào tài khoản phong tỏa.
- Phương án đảm bảo việc phát hành cổ phiếu đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài: Ủy quyền cho HĐQT thông qua phương án đảm bảo việc phát hành cổ phiếu đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài.
- Đăng ký giao dịch/niêm yết bổ sung và đăng ký chứng khoán bổ sung số cổ phiếu phát hành thêm: Toàn bộ số cổ phiếu phát hành thêm sẽ được đăng ký giao dịch/niêm yết bổ sung trên Sở Giao dịch Chứng khoán và đăng ký chứng khoán bổ sung tại Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD) sau khi hoàn thành đợt chào bán.

b. Chào bán cổ phiếu riêng lẻ

- Loại cổ phiếu chào bán: Cổ phiếu phổ thông
- Số lượng cổ phiếu chào bán: 140.100.000 cổ phiếu
- Tổng giá trị chào bán theo mệnh giá: 1.401.000.000.000 đồng
- Hình thức phát hành: Phát hành cổ phiếu riêng lẻ.
- Giá phát hành dự kiến: 10.000 đồng/cổ phiếu
- Đối tượng chào bán: Chào bán cho nhà đầu tư chiến lược, nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp (dưới 100 nhà đầu tư, không kể nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp).
- Tiêu chí lựa chọn nhà đầu tư: Là tổ chức hoặc cá nhân trong và ngoài nước có tiềm lực tài chính, cam kết đồng hành, hỗ trợ Công ty trong hoạt động quản trị và tài chính để phát triển Công ty và đảm bảo lợi ích cho các cổ đông;

Là các nhà đầu tư có tỷ lệ sở hữu sau phát hành phù hợp

theo quy định của pháp luật.

Cổ đông, nhà đầu tư và những người có liên quan của cổ đông, nhà đầu tư đó sở hữu từ 10% trở lên vốn điều lệ của 01 công ty chứng khoán khác khi tham gia mua cổ phần trong đợt phát hành này không được sở hữu trên 5% vốn điều lệ sau khi phát hành của VFS.

Nhà đầu tư tổ chức đáp ứng quy định của pháp luật về công ty mẹ con: Tổ chức phát hành không phải là công ty mẹ của tổ chức được chào bán cổ phiếu; hoặc cả hai tổ chức này không phải là các công ty con của cùng một công ty mẹ.

- Danh sách nhà đầu tư được mua cổ phiếu: Theo danh sách đính kèm, trong trường hợp nhà đầu tư theo danh sách không đăng ký mua ủy quyền HĐQT tìm kiếm nhà đầu tư khác thay thế đáp ứng tiêu chí ĐHĐCĐ thông qua.
- Phương án xử lý cổ phiếu không phân phối hết: Trường hợp số cổ phiếu chào bán không được các NĐT mua hết, ĐHĐCĐ ủy quyền cho Hội đồng quản trị phân phối cho các nhà đầu tư khác với giá chào bán không thấp hơn mệnh giá.
- Điều kiện chuyển nhượng: Cổ phần mới được chào bán riêng lẻ sẽ bị hạn chế chuyển nhượng 03 năm đối với nhà đầu tư chiến lược và 01 năm đối với nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp kể từ ngày kết thúc đợt chào bán theo quy định của pháp luật.
- Thời gian chào bán dự kiến: Thời gian chào bán dự kiến trong năm 2022, sau khi được UBCKNN chấp thuận.
- Phương án đảm bảo việc phát hành cổ phiếu đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài: Ủy quyền cho HĐQT thông qua phương án đảm bảo việc phát hành cổ phiếu đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài.
- Đăng ký giao dịch/niêm yết bổ sung và đăng ký chứng khoán bổ sung số cổ phiếu phát hành thêm: Toàn bộ số cổ phiếu phát hành thêm sẽ được đăng ký giao dịch/niêm yết bổ sung trên Sở Giao dịch Chứng khoán và đăng ký chứng khoán bổ sung tại Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD) sau khi hoàn thành đợt chào bán.

c. Tỷ lệ chào bán thành công dự kiến và phương án xử lý trong trường hợp chào bán không thu đủ số tiền tối thiểu như dự kiến:

Công ty không đặt chỉ tiêu tỷ lệ chào bán thành công tối thiểu. Trong trường hợp kết thúc thời gian chào bán theo quy định, Công ty không chào bán hết số cổ phiếu như đăng ký, số tiền thu được từ đợt chào không đủ như dự kiến, tùy vào tình hình thực tế, ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT thực hiện các giải pháp như sau:

- Xin gia hạn đợt chào bán để tiếp tục chào bán toàn bộ số cổ phần còn lại.
- Trong trường hợp các cổ đông hiện hữu không có nhu cầu mua tiếp hoặc đối tượng khác không mua hết số cổ phần chưa chào bán hết, thì vốn điều lệ mới sẽ được đăng ký căn cứ theo số cổ phần thực tế đã chào bán được, HĐQT căn cứ theo tình hình thực tế của Công ty để cân đối sử dụng số tiền thu được từ việc chào bán trên cơ sở đảm bảo phù hợp với kế hoạch phát triển chung của Công ty.

d. Mục đích phát hành cổ phiếu

- + Bổ sung nguồn vốn đầu tư cho hoạt động kinh doanh của Công ty .
- + Tăng vốn điều lệ giúp VFS chủ động, linh hoạt hơn trong sử dụng nguồn lực tài chính giảm áp lực huy động vốn từ các nguồn khác, từ đó tăng vị thế cạnh tranh trên thị trường, tận dụng tốt hơn các cơ hội đầu tư.

e. Đánh giá mức độ pha loãng cổ phiếu

Việc chào bán cổ phiếu sẽ gây ra rủi ro pha loãng giá cổ phiếu, pha loãng thu nhập trên mỗi cổ phiếu (EPS), pha loãng giá trị sổ sách trên mỗi cổ phiếu, pha loãng tỷ lệ nắm giữ và quyền biểu quyết, cụ thể như sau:

❖ **Pha loãng giá cổ phiếu**

Cổ phiếu Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhất Việt đã được đăng ký giao dịch trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là VFS. Vì vậy, tại ngày giao dịch không hưởng quyền mua cổ phiếu phát hành thêm, giá tham chiếu của cổ phiếu sẽ được điều chỉnh theo công thức sau:

$$\text{Giá tham chiếu ngày XR} = \frac{\text{Số lượng cổ phiếu trước đợt chào bán} \times \text{Giá bình quân gia quyền của toàn bộ giao dịch ngày giao dịch trước ngày XR} + \text{Số lượng cổ phiếu chào bán} \times \text{Giá chào bán}}{\text{Tổng số cổ phiếu sau khi chào bán}}$$

XR: Ngày giao dịch không hưởng quyền

Tuy nhiên, trong trường hợp giá phát hành của cổ phiếu lớn hơn Giá bình quân gia quyền của toàn bộ giao dịch của cổ phiếu VFS trước ngày giao dịch không hưởng quyền thì sẽ không phải điều chỉnh giá tham chiếu trong ngày giao dịch không hưởng quyền.

❖ **Pha loãng thu nhập trên mỗi cổ phiếu (EPS)**

Với giả định ngày 30/06/2022 Công ty hoàn tất đợt chào bán, dự kiến mức độ pha loãng EPS sau khi phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ của Công ty năm 2022 như sau:

Stt	Nội dung	Giá trị
1	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2022 (dự kiến)	96.607.800.000
2	Số lượng cổ phiếu lưu hành vào thời điểm phát	80.250.000

	hành	
3	Số lượng cổ phiếu sau khi phát hành	300.600.000
4	Số lượng cổ phiếu lưu hành bình quân trong kỳ sau khi phát hành (4) = $\{(2) \times 6 + (3) \times 6\} / 12$	190.425.000
5	Thu nhập trên mỗi cổ phiếu năm 2022 (dự kiến) khi chưa phát hành (5) = (1)/(2)	1.203
6	Thu nhập trên mỗi cổ phiếu năm 2022 (dự kiến) khi hoàn thành đợt phát hành (6) = (1)/(4)	507

Thu nhập trên mỗi cổ phiếu trong năm 2022 của VFS sau khi Công ty chào bán cổ phiếu để tăng vốn điều lệ (tăng tổng số lượng cổ phiếu lưu hành trong năm 2022) giảm từ 1.203 đồng/cổ phiếu xuống 507 đồng/cổ phiếu (giảm 57,83%) so với trong trường hợp Công ty không thực hiện chào bán cổ phiếu. Tuy nhiên, việc EPS dự kiến năm 2022 điều chỉnh giảm chỉ là nhất thời, với nguồn vốn thu được từ đợt phát hành thì hoạt động kinh doanh của VFS trong thời gian tới kỳ vọng sẽ đạt được những hiệu quả nhất định và tạo được sự tăng trưởng EPS trong những năm tiếp theo.

❖ **Pha loãng giá trị sổ sách**

Sau khi hoàn thành đợt phát hành, giá trị sổ sách của mỗi cổ phần VFS sẽ có thể bị thay đổi trong trường hợp giá chào bán thấp hơn giá trị sổ sách của mỗi cổ phần tại thời điểm phát hành.

Stt	Nội dung	Giá trị
1	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2022 (dự kiến)	96.607.800.000
2	Vốn chủ sở hữu năm 2022 (dự kiến) khi không phát hành cổ phiếu	1.037.782.948.643
3	Số lượng cổ phiếu lưu hành vào thời điểm phát hành	80.250.000
4	Số lượng cổ phiếu phát hành	220.350.000
5	Số lượng cổ phiếu sau khi phát hành	300.600.000
6	Vốn chủ sở hữu năm 2022 (dự kiến) sau khi phát hành cổ phiếu	3.241.282.948.643
7	Giá trị sổ sách một cổ phiếu năm 2022 (dự kiến) khi không phát hành cổ phiếu (7) = (2)/(3)	12.932
8	Giá trị sổ sách một cổ phiếu năm 2022 (dự kiến) sau khi phát hành cổ phiếu (8) = (6)/(5)	10.783

Giá trị sổ sách của mỗi cổ phần VFS trong năm 2022 sau khi Công ty chào bán cổ phiếu

để tăng vốn điều lệ (tăng tổng số lượng cổ phiếu lưu hành trong năm 2022) giảm từ 12.932 đồng/cổ phiếu xuống 10.783 đồng/cổ phiếu (giảm 16,61%) so với trong trường hợp Công ty không thực hiện chào bán cổ phiếu.

❖ Về tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết

Phương án chào bán cổ phiếu bao gồm cả việc chào bán cho cổ đông hiện hữu và chào bán riêng lẻ, do đó, chắc chắn sẽ dẫn tới việc pha loãng cổ phiếu và ảnh hưởng đến tỷ lệ sở hữu hay quyền bỏ phiếu của các cổ đông hiện hữu. Bất kỳ trong trường hợp nào, cổ đông thực hiện toàn bộ quyền mua hay không thực hiện quyền mua hoặc thực hiện quyền mua không hết hoặc chuyển nhượng quyền, tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết đều bị giảm xuống.

III. PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG VỐN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT PHÁT HÀNH

Với sự phát triển ngày càng mạnh mẽ của thị trường chứng khoán và sự mở rộng quy mô hoạt động của Công ty trong thời gian qua, VFS ngày càng tiếp cận được với nhiều cơ hội kinh doanh có quy mô lớn, giá trị giao dịch có thể vượt nhiều lần phần vốn chủ sở hữu hiện có của Công ty.

Đồng thời với sự cạnh tranh gay gắt của các công ty trong việc phát triển các dịch vụ giá trị gia tăng cho khách hàng để gia tăng thị phần môi giới. VFS cần huy động bổ sung thêm nguồn lực tài chính để nâng cao năng lực tài chính và tối thiểu rủi ro thanh khoản.

Việc phát hành tăng vốn chủ sở hữu sẽ giúp VFS chủ động nguồn lực tài chính để gia tăng quy mô vốn hoạt động cho vay ký quỹ chứng khoán qua đó tăng sức mạnh cạnh tranh và mở rộng thị trường tăng thị phần môi giới và đồng thời tăng vốn cho hoạt động tự doanh của công ty để kịp thời nắm bắt cơ hội kinh doanh trên thị trường tài chính cụ thể như sau:

Nhu cầu vốn	Giá trị (đồng)
- Tăng vốn cho hoạt động đầu tư tự doanh chứng khoán:	1.865.000.000.000
- Tăng vốn cho hoạt động cho vay ký quỹ:	338.500.000.000
Tổng cộng	2.203.500.000.000

IV. ỦY QUYỀN

Sau khi ĐHCĐ biểu quyết chấp thuận phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ, ĐHCĐ ủy quyền cho HĐQT quyết định tất cả các vấn đề (bao gồm nhưng không giới hạn) liên quan đến đợt phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ trong năm 2022, cụ thể:

1. Chi tiết mục đích sử dụng vốn theo chủ trương ĐHCĐ đã thông qua, phù hợp với quy định hiện hành.
2. Triển khai Phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ trong năm 2022:
 - Lựa chọn thời điểm thích hợp để triển khai phương án phát hành để mang lại lợi ích tốt nhất cho cổ đông và Công ty.

- Tìm kiếm nhà đầu tư thay thế đáp ứng tiêu chí ĐHĐCĐ thông qua trong trường hợp nhà đầu tư trong đợt phát hành riêng lẻ không đăng ký mua hoặc không thực hiện nộp tiền mua
 - Quyết định xử lý số lượng cổ phiếu đối với nhà đầu tư không thực hiện quyền mua, dôi dư trong đợt phát hành cho cổ đông hiện hữu cho các nhà đầu tư khác đáp ứng các điều kiện tại Khoản 3, Điều 42 Nghị định 155/2020/NĐ-CP với giá chào bán không thấp hơn 10.000 đồng/cổ phiếu.
 - Cân đối và sử dụng nguồn vốn phù hợp với tình hình hoạt động thực tế sản xuất kinh doanh của Công ty, đảm bảo hiệu quả sử dụng vốn và lợi ích của cổ đông;
 - Lựa chọn thay thế mục đích sử dụng vốn nếu xét thấy cần thiết để việc sử dụng vốn mang lại hiệu quả cho công ty, tuân thủ theo yêu cầu của pháp luật hiện hành và báo cáo Đại hội đồng cổ đông gần nhất.
 - Thực hiện các thủ tục cần thiết để xin cấp phép chào bán cổ phiếu theo phương án đã được phê duyệt, bao gồm cả việc bổ sung, chỉnh sửa, hoàn chỉnh hồ sơ nhằm đảm bảo cho việc xin phép chào bán cổ phiếu được thực hiện một cách hợp pháp và đúng quy định.
3. Lập hồ sơ đăng ký giao dịch/niêm yết bổ sung và đăng ký chứng khoán bổ sung cổ phiếu phát hành thêm: Thực hiện các thủ tục, công việc và lựa chọn thời điểm thích hợp để đăng ký giao dịch/niêm yết bổ sung số cổ phiếu phát hành thêm tại Sở Giao dịch chứng khoán và đăng ký chứng khoán bổ sung tại Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD) sau khi hoàn tất đợt phát hành.
 4. Thực hiện việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty liên quan đến việc thay đổi mức vốn điều lệ của Công ty sau khi hoàn tất đợt phát hành cổ phiếu theo kết quả thực tế của đợt phát hành và sẽ báo cáo cho Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp gần nhất.
 5. Thực hiện các thủ tục thay đổi Giấy phép thành lập và hoạt động của Công ty chứng khoán liên quan tới việc thay đổi vốn điều lệ theo kết quả thực tế của đợt phát hành với UBCKNN sau khi hoàn tất đợt phát hành cổ phần;
 6. Ký kết các hợp đồng, giao dịch có giá trị lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của VFS ghi nhận tại Báo cáo tài chính gần nhất, theo mục đích sử dụng vốn đã được thông qua tại ĐHĐCĐ và báo cáo mục đích sử dụng vốn chi tiết cho ĐHĐCĐ tại cuộc họp ĐHĐCĐ gần nhất.
 7. Ngoài những nội dung ủy quyền trên đây, trong quá trình thực hiện phương án phát hành, ĐHĐCĐ ủy quyền cho Hội đồng quản trị bổ sung, sửa đổi, hoàn chỉnh phương án phát hành theo yêu cầu của cơ quan quản lý Nhà nước và/hoặc phù hợp với hoàn cảnh thực tế sao cho việc thực hiện phương án chào bán cổ phiếu tăng vốn điều lệ hợp pháp, đúng quy định, đảm bảo quyền lợi của Cổ đông và Công ty.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Hội đồng Quản trị;
- Ban kiểm soát;
- Lưu: VT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



NGUYỄN THẾ ANH